PHẬT HỌC 佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HẰNG THÁNG

SỐ 295, NĂM THỨ 24 THÁNG 2-2019

Hoa Đào Năm Ấy

Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): http://www.nsphathoc.org

NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:
PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:
DIỆU LAN

Kiểm Soát:
PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:
BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TĨNH
TUỆ VIÊN

Cộng Tác:
CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỷ Thuật:
MINH HÒA
NHÂN CA

Mục Lục

Chúc năm mới Kỷ Hợi 2019	BBT	3
Thông Điệp Xuân Kỷ Hợi 2019	Đức Đệ Ngũ Tăng Thống	4
Tâm điểm Thiền định - Chương 12	Đức Đạt Lai Lạt Ma	6
Pháp cú 347 Phẩm Tham ái	HT. Thích Minh Châu dịch	11
HHL: Ngày mai ăn khỏi trả tiền	Thích Nữ Như Thủy	11
Hoa đào năm ấy	Tiểu lục Thần Phong	12
Triết lý và thực tiễn của pháp môn Tịnh Độ	Th. Tâm An	15
Thơ: Cỏ dại ven bờ	Thích Tuệ Sỹ	28
Tư Tưởng Tịnh Độ Tông (tt)	HT. Thích Như Điển	29
Thơ: Dư hương	Phổ Đồng	31

Tranh bìa

Hoa đào năm ấy

Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài đăng trong Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỉ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học

BBT/NS/PHẬT HỌC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VIỆN TĂNG THỐNG
Chùa Từ Hiếu – 59 Lô D, Đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Tp.Sài Gòn

Phật lịch: 2562 Số : 01/VTT/TT/TĐ

THÔNG ĐIỆP XUÂN KỶ HỢI 2019
CỦA ĐỆ NGŨ TĂNG THỐNG THÍCH QUẢNG ĐỘ

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa Đồng bào Phật tử trong và ngoài nước,

Nguyện cầu uy lực gia trì của Chư Phật, tôi kính gởi lời thỉnh an đến Chư Tôn Trưởng Lão, Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni trong và ngoài nước. Trong thời khắc đầy ý nghĩa của chúng đệ tử tại gia trong cộng đồng dân tộc đang hân hoan đón mừng năm mới, tạm thời lắng quên những khó nhọc sinh tồn cùng những mâu thuẫn xung đột gia đình và xã hội. Trong niềm tin vui và hy vọng vận hội hanh thông cho gia đình xã hội và quốc gia dân tộc; hàng xuất gia trong hạnh nguyện tùy hỷ và tùy thuận chúng sanh, tôi chân thành cầu nguyện cho bốn chúng đệ tử thành tựu như nguyện mọi ước nguyện như pháp, cùng với sự tăng ích an lạc của đại khối dân tộc trong một thế giới hòa bình an lạc.

Chư Đại Đức Tăng tôn kính, tất cả chúng ta, hoặc do bản nguyện độ sinh, hoặc do nhân duyên nghiệp chướng, nay cùng sinh trong thời mạt pháp, cùng hành đạo trong vận hội thăng trầm vinh nhục của dân tộc, mỗi người bằng nhận thức và ý chí của mình, và bằng công đức tu trì của mình, mong góp phần trong sứ mệnh quốc gia dân tộc như các Tổ đức đã làm trong quá khứ. Nhưng do bởi tập khí vi tế của nghiệp lực, do bởi trí tuệ hữu lậu trong nhiều chướng duyên, đã chưa thành tựu như ý phần nhỏ trong hành nguyện sơ tâm của mình, khiến cho bản thể Tăng-già vốn thanh tịnh hòa hiệp đang bị lu mờ bởi khách trần phiền não, đã chứng kiến nguy cơ băng hoại bởi dị kiến, dị giới, dị oai nghi.

Chúng đệ tử xuất gia vẫn thường xuyên nghe lời Phật dạy trùng tuyên mỗi nửa tháng một lần: "Hãy cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một Thầy học, cùng hòa hiệp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc." Y trên lời giáo giới thâm thiết này của Đức Đạo Sư đại bi đại trí, mỗi thành viên trong Tăng, hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp, đều có thể là sơ duyên hoặc thân duyên cho tình trạng bản thể thanh tịnh của Tăng bị hoen ố bởi khách trần phiền não, bản thể thanh tịnh bị phá hoại bởi dị giới, dị kiến, dị oai nghi. Quy lỗi cho các đồng phạm hạnh khác và tự khẳng định không lỗi, dù đúng hay sai, thảy đều là nhân duyên cho Tăng-già không hòa hiệp. Đức Thế Tôn cũng đã cảnh giới: "Những người kia không biết, nơi đây chúng ta bị hủy diệt, người trí do biết vậy, tranh luận tự nhiên dứt." Trong chúng ta, thật có nhiều người biết tương đối về nhiều điều Phật dạy, và biết rằng những lời dạy vàng ngọc ấy nếu được chân chánh thực hành trong đời sống hàng ngày, sẽ mang lại lợi ích an lạc cho bản thân, cho những người thân, và cho cả xã hội, cả dân tộc. Thế nhưng, tranh chấp, bất hòa vẫn thường xuyên xảy ra giữa các chúng đệ tử của Phật, để rồi, Phật Pháp như khi thuốc trị mọi chứng bệnh làm cho chúng sanh khổ não, nhưng những người được cho thuốc, hay tự mình chọn thuốc, mà kết quả là bệnh cũ không những không thuyên giảm, mà trái lại càng tăng và thậm chí còn phát sinh nhiều bệnh mới. Vậy thì, làm sao để cho thấy hiệu lực của Chánh Pháp? Lỗi này do đâu? Mỗi người trong chúng ta nên tự nỗ lực tìm thấy nguyên nhân này, y trên những lời Phật dạy mà tự quán chiếu, tin tưởng thâm thiết nghiệp quả, luân hồi, kinh sợ hậu quả tất nhiên của những gì ta đã và đang làm; chớ để tham vọng, hận thù che mờ tâm trí, tự hại mà cũng gây hại cho nhiều người.

Đức Phật đại bi đại trí, giáo pháp không chỉ sách tấn khích lệ những ai dũng mãnh tinh tấn mà cũng là bàn tay từ ái nâng đỡ những ai yếu đuối dễ phạm sai lầm để tự gây khổ. Một vật sành sứ khi đã vỡ thì khó hàn gắn lại như nguyên trạng không tì vết, nhưng bản thể thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già một khi bị vỡ, Đức Thế Tôn đã chỉ dạy nhiều phương tiện để được thanh tịnh và hòa hiệp như bản nguyên. Bởi vì trong các pháp hữu vi, hữu lậu, dù thiện hay bất thiện, thảy đều biến chuyển theo định luật vô thường, không cố định thường hằng; cho nên không có sai lầm nào dù lớn hay nhỏ mà không thể sửa chữa, không có nghiệp đã tạo nào dù nặng hay nhẹ mà không thể chuyển tùy theo

thời và xứ. Đây là cơ sở để mỗi người trong chúng ta tự sám hối để chuyển nghiệp, rồi từ đó tiến hành pháp thức phục nguyên bản thể thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già. Nguyên lý cho pháp thức này là "Yết-ma như thảo phú địa" mà chính được Đức Thế Tôn đã quy định trong bảy pháp Diệt tránh.

Tăng-già thanh tịnh hòa hiệp là chỗ quy ngưỡng của bốn chúng đệ tử, là mạng mạch tồn tại của Chánh Pháp. Vậy nên, ngưỡng nguyện Chư Tôn Đức Tăng, Ni nương theo bản hoài xuất thế của Chư Phật, tăng trưởng hành nguyện sơ tâm xuất gia của mình, bằng công đức tu trì Giới-Định-Tuệ hồi hướng cho tâm nguyện của chúng ta được thành tựu. Tôi nay tuổi đã quá già, như cỗ xe đã quá cũ, tự thấy thời gian và nghị lực không đủ để sửa chữa và gầy dựng lại những gì đã tan vỡ, sụp đổ. Duy chỉ ước mong ngọn đèn Chánh Pháp không bị lu mờ và hoen ố trên quê hương đất nước này.

Và nay đây, vào dịp Tết Nguyên Đán, hàng đệ tử tại gia cùng chung với đại khối dân tộc, theo truyền thống tạm thời xóa bỏ những gì không vừa ý trong năm qua, hân hoan trong niềm hy vọng, đón chào vận hội mới của đất nước. Thay mặt Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Viện, tôi cũng xin có đôi lời với bốn chúng đệ tử.

Trong nhiều năm qua, do gặp phải nghịch duyên, nội ma ngoại chướng khiến cho Tăng-già bị phân hóa, sinh hoạt của Giáo Hội phải gánh chịu nhiều biến động để hầu như không còn khả năng hướng dẫn chúng đệ tử tại gia trong lý tưởng phụng sự Đạo Pháp và Dân Tộc. Chánh Pháp ly dục thanh tịnh do vậy bị lu mờ và hoen ố, trong nhiều trường hợp được xưng dương theo giá trị thế tục chỉ như là giá trị giao hoán giữa chợ đời cho mục đích mà thế gian mơ ước là danh vọng, địa vị, lợi dưỡng. Dù vậy, điều xứng đáng được tán dương là tín tâm của đại bộ phận trong bốn chúng đệ tử vẫn kiên cố, không vì vậy mà thoái chuyển: Tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Thánh giới.

Nhìn từ bên ngoài, quả thực Tăng-già bị phân hóa, bị thoái hóa, bị hoen ố bởi danh dự, lợi dưỡng thế gian; nhưng tự bản chất, Tăng già được thiết lập bởi Phật, đấng Nhất thiết trí, không vì vậy mà biến chất. Phương thuốc hay, do phục dược sai lầm của y sỹ và bệnh nhân dẫn đến hậu quả tai hại, không vì vậy mà dược tính của phương thuốc bị biến đổi. Trước tình trạng phân hóa nhất thời của Tăng, Đức Phật đã có lần giáo giới, như thỏi vàng bị chia hai, giá trị bên này và bên kia không hề có sự hơn kém; duy cần phải phân biệt đó là vàng thật hay vàng giả. Cũng vậy, Tăng-già đệ tử Thế Tôn trong tự tánh chân thật thanh tịnh dù được thấy như là hiện tượng bị phân hóa, với những tranh chấp nội bộ nghiêm trọng theo giá trị thế tục; thế nhưng, phiền não vốn chỉ là khách trần, chỉ như bụi đường bám theo gót chân sang quý. Tự tánh thanh tịnh vẫn luôn sáng ngời trong tự tâm của mỗi chúng sanh. Trong nghĩa đó, chúng đệ tử Thế Tôn nỗ lực tinh tấn thực hành những lời Phật dạy, vì lợi ích an lạc cho mình và cho nhiều người, không hề dao động trước những thăng trầm của lịch sử; tự huân tập bản tâm để cho tín tâm thanh tịnh không bị thoái thất bởi tính vô thường của các hành hữu vi, không bị mê hoặc bởi các giá trị thế tục.

Đức Phật thường khuyên dạy chúng đệ tử tại gia sống lương thiện với nghề nghiệp chân chánh, tích lũy Thánh tài cho đời này và đời sau; đồng thời thường xuyên thân cận thiện sỹ, thính văn Chánh Pháp để thể hiện trọn vẹn ý nghĩa cận sự, học Phật, và bằng trí tuệ được huân tập trong Chánh Pháp mà phục vụ gia đình xã hội, phụng sự quốc gia dân tộc, trong tư cách là một thành viên của gia đình, xã hội. Trên tất cả, hộ trì Chánh Pháp tồn tại thế gian là lý tưởng cao cả của tất cả các chúng đệ tử Phật. Trong ý nghĩa này, nhân ngày Hội truyền thống dân tộc - Xuân Kỷ Hợi - tôi thay mặt Hội Đồng Viện gởi đến Đồng bào Phật tử những lời xưng tán tùy hỷ công đức của Chư Tôn Đức Tăng, Ni; cầu nguyện uy lực đại trí đại bi Chư Phật gia trì Quý vị tín tâm bất hoại, thành tựu như nguyện mọi ước nguyện vì an lạc của bản thân, gia đình và xã hội./.

Sài Gòn, Chùa Từ Hiếu, ngày 24 tháng 01 năm 2019
(Nhằm ngày 19 tháng 12 năm Mậu Tuất)
Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN

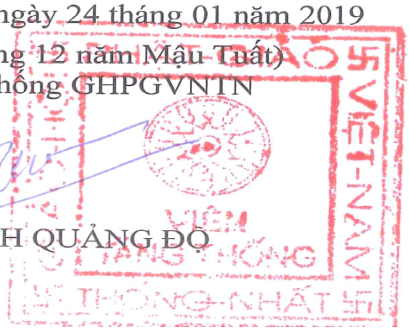

Sa-môn THÍCH QUẢNG ĐỘ

TÂM ĐIỂM CỦA THIỀN ĐỊNH

Khám phá tâm thức thần bí nhất

Đức ĐẠT-LAI LẠT-MA - Hoang Phong chuyển ngữ

Chương 12

Giáo huấn thứ ba
Sự giải thoát tự nhiên

Đến đây chúng ta sẽ đề cập đến giáo huấn thứ ba và cũng là giáo huấn sau cùng:

Giáo huấn thứ ba như sau:

Vào đúng lúc đó (xin xem lại câu thơ sau cùng của giáo huấn thứ hai trong chương 10, trước khi chuyển sang giáo huấn thứ ba này), trong khuôn khổ của sự hiểu biết [phát sinh từ] thực thể căn bản,
Giữa mọi sự thèm khát và hận thù,
Cũng như mọi sự thích thú và đớn đau, kể cả mọi thứ khái niệm phụ thuộc (adventive/ liên hệ với những thứ ấy),
Không có bất cứ một sự kết nối (connection) nào được tạo tác và tồn lưu cả.
Hãy nhận biết Dharmakaya/Thân Đạo Pháp, mà bên trong nó tất cả đã được buông bỏ (buông xả, tháo gỡ),
Tất cả đều biến mất tương tự như những dòng chữ viết trên mặt nước.
Trên dòng chuyển biến không hề gián đoạn của sự tự-hiển-hiện (auto-appearance) và tự-giải-thoát (self-liberation/tự-buông-xả) đó,
Bất cứ một thứ gì hiện lên cũng chỉ là thức ăn nuôi dưỡng tri thức trần trụi và trống không.
Bất cứ một thứ gì chuyển động (fluctuate/biến động, đổi thay) cũng chỉ là một trò đùa siêu đẳng (jeu royal/ royal play/ngạo nghễ, độc đoán) của Dharmakaya/Thân Đạo Pháp mà thôi.
Tất cả đều được tinh khiết hóa một cách tự nhiên, không lưu lại một dấu vết nào! A la la! (các chữ này được mượn thẳng - tức không dịch - từ trong các nguyên bản tiếng Pháp và tiếng Anh, đó là cách thốt lên một sự kinh ngạc đầy thích thú, nói lên một sự khám phá tuyệt vời nào đó. Trong các câu thơ thuộc phần giáo huấn thứ nhất bà Sofia Stril-Rever không dịch mà giữ nguyên tiếng Tây Tạng là Emahó - đã được giải thích trong chương 7).
Tất cả đã từng hiển lộ như trước đây (chẳng có gì mới lạ cả),
Thế nhưng phương cách giải thoát thì lại hoàn toàn khác hẳn (đối với một người đã ý thức"được bản chất của mọi hiện tượng thì cũng sẽ hiểu rằng tất cả những gì "tự-hiển-hiện" và "tự-biến-mất" trong tâm thức mình thì cũng chỉ là như thế, mình đã từng biết chúng trước đây, không có gì mới lạ cả, thế nhưng chính sự quen thuộc đó lại là một sự khám phá tuyệt vời và mới lạ, một phương tiện tu tập vô song giúp mình hiểu được chúng đã từng hiện lên và cũng từng

biến mất trong cái tâm thức đó của chính mình).

Nếu thiền định mà không thực hiện được điều đó thì chỉ đưa đến mọi sự lầm lẫn mà thôi.

Bất cứ ai hiểu được điều đó [đương nhiên] sẽ thường trú trong Dharmakaya/Thân Đạo Pháp mà không cần phải thiền định thêm về bất cứ gì nữa cả.

Sự vững tin sẽ hiện lên đúng vào lúc [mà mình] đã loại bỏ được mọi thứ tư duy (các khái niệm) - và đây cũng là giáo huấn chủ yếu thứ ba.

BẦU KHÔNG GIAN CỦA THÁI ĐỘ KHÔNG THAM GIA

Dù bất cứ một khái niệm phụ thuộc (adventive/liên hệ) hay tạm thời nào phát sinh, chẳng hạn như những sự thèm khát, hận thù, thích thú hay đớn đau, thì hãy cứ nhận diện chúng đơn giản là những sự rung động (vibrations) của tâm thức thần bí nhất. Khả năng của các thứ tri thức khái niệm đó *(conceptual consciousnesses - xin nhắc lại đó là các cảm nhận phát sinh từ sáu thể loại tri thức: năm tri thức cảm giác và tri thức tâm thần)* sẽ yếu dần, tuần tự từng tri thức một, sau hết chúng sẽ không còn tạo được các mối dây trói buộc như trước đây nữa, mà [trái lại] sẽ củng cố cho nhau *(hầu mang lại một sự xả bỏ toàn diện hơn)*.

Nếu đủ sức duy trì một cách đúng đắn sự nhận biết tâm thức thần bí nhất thì kết quả mang lại từ phép luyện tập đó sẽ trợ lực các bạn rất nhiều [trước mọi cảnh huống xảy ra], kể cả trường hợp các bạn tự tạo ra cho mình một sự thèm khát hay thù ghét thật gay gắt, hoặc rơi vào các cảm tính tự mãn thật mạnh đối với một sự thành công nào đó, hoặc phải chịu đựng những nỗi đớn đau gay gắt, hoặc gặp phải những sự thất bại ê chề. Bởi vì nếu muốn trực tiếp đối đầu với các thứ xúc cảm đó từ bên trong chúng, thì thật hết sức chủ yếu là phải nhận biết được tâm thức thần bí nhất, bởi vì đấy chính là nền tảng của sự giải thoát *(liberation/buông xả, tháo gỡ)*. Khi nào các bạn đủ sức thường trú bên trong sự cảm nhận đó về bản thể căn bản - có nghĩa là nền tảng và phương cách mang lại sự giải thoát đích thật - mà mình đã từng nhận biết được nó từ trước *(tức tâm thức thần bí nhất)*, và không đánh mất nó cũng không rời khỏi nó, thì các khái niệm tạo tác hiện ra trong khung cảnh của bản thể căn bản đó cũng sẽ chẳng khác gì những dòng chữ viết trên mặt nước. Chúng sẽ biến mất tức khắc, tan vào bầu không gian của tâm thức thần bí nhất, không tạo ra một sự kết nối nào sau đó cả. Vừa mới được tạo tác thì tức khắc chúng sẽ bị hòa tan ngay. Vậy các khái niệm sẽ tan biến vào đâu? Vào bên trong tâm thức thần bí nhất! Trước hết nhờ phép Đại hoàn thiện các bạn hãy nhận diện tâm thức căn bản, tức là Dharmakaya/Thân Đạo Pháp, bởi vì đấy là nơi mà các khái niệm sẽ bị loại bỏ. Sau đó khi các khái niệm hiện lên, thì chúng cũng sẽ thay nhau tan biến hết, chẳng khác gì những dòng chữ viết trên mặt nước.

Nhờ vào giáo huấn thứ nhất các bạn nhận biết được tâm thức thần bí nhất của mình. Với giáo huấn thứ hai, các bạn học được cách duy trì sự hiện hữu của nó trong những lúc hành thiền. Đến đây *(giáo huấn thứ ba)* các bạn phải làm tan biến các tư duy khái niệm [hiện ra từ] bên trong tâm thức thần bí nhất:

Vậy thì, bên trong sự hiểu biết [phát sinh từ] thực thể nền tảng,
Giữa mọi sự thèm khát và hận thù,
Cũng như mọi sự thích thú và đớn đau, kể cả mọi thứ khái niệm phụ thuộc *(adventive/thứ yếu và liên hệ với những thứ ấy)*,
Không có một sự kết nối nào được tạo tác và tồn lưu cả.
Hãy nhận biết Dharmakaya/Thân Đạo Pháp, mà bên trong nó tất cả đã được buông bỏ *(buông xả, tháo gỡ)*,
Tất cả đều biến mất tương tự như những dòng chữ viết trên mặt nước.

Khi các khái niệm hiện lên và dù chúng có đa dạng cách mấy đi nữa thì các bạn cũng cứ tập trung vào thực thể trống không về bản thể tinh túy của chúng, để hiểu rằng chúng không thể vượt xa hơn bản thể của tri thức nền tảng [tự tại]. Nếu thành công thì các bạn cũng sẽ hiểu rằng các cơ cấu của sự sinh hoạt khái niệm *(nói một cách nôm na là các tư duy, xúc cảm và tác ý của mình)* tự nó cũng sẽ dự phần vào sự thiết lập và duy trì thực thể của chúng [tức là sự trống không].

Khi nào các bạn thực hiện được phép luyện tập đó đúng đắn và lâu dài (thường xuyên), thì dù bất cứ khái niệm nào hiện lên với mình thì nó cũng chỉ là một phương tiện sinh tồn (subsistence) hay một thứ thực phẩm nuôi dưỡng tri thức trần trụi của sự trống không/Tánh không. Các khái niệm hiện lên và tức khắc tan biến một cách tự nhiên, điều đó là một yếu tố thuận lợi giúp chúng ta phát động sự luyện tập và mở rộng sự hiểu biết về thể dạng tri thức tiên khởi, trần trụi và trống không. Điều này được nói lên trong câu thơ sau đây của nhà sư Patrul Rinpoché:

"Trên dòng chuyển biến của sự hiển-hiện-tự-nhiên (auto-appearance) và sự tự-giải-thoát-tự-nhiên (self-liberation), không bao giờ gián đoạn đó, bất cứ một thứ gì hiện lên cũng chỉ là thức ăn nuôi dưỡng tri thức trần trụi và trống không" *(các hiện tượng tâm thần hiện lên và tan biến bên trong tâm thức giữ vai trò khơi động và thúc đẩy sự vận hành của tri thức, dòng tri thức nguyên sinh tự nó và chính nó luôn ở thể dạng vắng lặng và trống không. Tư duy, xúc cảm, tác ý liên tục hiện lên và biến mất là một yếu tố, một sự kiện, giúp mình trực tiếp ý thức được là chúng che dấu phía sau chúng một sự vắng lặng và trống không thật sâu kín của dòng tri thức mình)*.

Tóm lại nếu các bạn không bị lôi cuốn bởi bởi sự sinh hoạt khái niệm tác động từ bên ngoài *(ngoại cảnh không làm cho mình bị phân tâm)*, đồng thời vẫn đủ sức *(giữ được sự tập trung)* nhận biết được thể dạng tự nhiên của tâm thức thần bí nhất và duy trì nó một cách bền vững, thì sự sinh hoạt khái niệm trong tâm thức mình, dù căng thẳng đến mức độ nào, cũng chỉ đơn giản như những sự rung động (vibrations), một hình thức tỏa sáng (effulgence), hay một trò đùa siêu đẳng (jeu royal/royal play) của Dharmakaya/Thân Đạo Pháp với vai trò đơn giản là cơ sở chuyển tải của tâm thức nền tảng.

Trong bối cảnh đó, tư duy khái niệm sẽ không còn tạo ra một sự nối kết nào và do đó cũng sẽ không lưu lại phía sau nó một dấu vết nào cả. Tương tự như một con chim bay ngang vòm trời, không lưu lại vết tích của đường bay, các khái niệm thì cũng vậy, dù là dưới hình nào *(vui buồn, sung sướng,*

khổ đau, hận thù, thương yêu, đúng sai, thích thú, ghét bỏ, văn chương, thi phú, triết học, khoa học, tôn giáo, đức tin...) thì chúng cũng sẽ tự xóa đi, tự tinh khiết hóa một cách tự nhiên, không tạo ra một sự nối kết nào sau đó cả: "Bất cứ một thứ gì chuyển động cũng chỉ là trò đùa siêu đẳng của Dharmakaya/Thân Đạo Pháp, tất cả sẽ được tinh khiết hóa một cách tự nhiên, không lưu lại một dấu vết nào! A la la!" *(có thể liên tưởng đến sự "đình chỉ"nirodha do Đức Phật thuyết giảng)*.

SỰ KHÁC BIỆT CHỦ YẾU

Khi nào các bạn thực hiện được sự cảm nhận thật sâu xa đó thì các khái niệm dù có thực sự hiện lên với mình như trước đây, thế nhưng đối với phương cách loại bỏ chúng thì một sự khác biệt vô cùng lớn lao sẽ xảy ra. Thật vậy tư duy vẫn tiếp tục sinh sôi chẳng khác gì như trước khi nhận biết được tâm thức thần bí nhất, thế nhưng các biện pháp tháo gỡ sự kềm kẹp của chúng thì hoàn toàn khác hẳn. Một khi đã ý thức được hiện thực đó thì trước hết các bạn phải nhận biết được các tư duy khái niệm đó tương tự như gặp lại một người bạn mà mình đã từng quen biết từ trước. Khi đã ý thức được tình trạng đó tức là lúc mà các khái niệm *(xin nhắc lại khái niệm ở đây có nghĩa là tư duy, xúc cảm và tác ý, nói chung là các phóng tưởng tâm thần)* hiện lên với mình, thì trước hết các bạn hãy nhận biết chúng, tương tự như gặp lại những người mà mình đã quen biết từ trước. Điều đó có nghĩa là khi một khái niệm vừa mới hiện lên thì mình nhận biết ngay được nó và tự nhủ như thế này: " Ô! Đây quả đúng là một khái niệm rồi!", đó là cách giúp mình không rơi vào vòng ảnh hưởng do nó tạo ra *(một cách giúp mình tự tách rời ra khỏi các khái niệm hiện lên trong tâm thức mình, chúng không phải là mình, cũng không phải là của mình)*. Dầu sao vào lúc mà các bạn nghĩ rằng: "Đây đúng là một khái niệm!", thì các bạn vẫn còn ở vào giai đoạn tiên khởi của thể dạng tự-giải-thoát (auto-libération/self-liberation), tức vẫn còn nắm bắt khái niệm, dù chỉ ở một mức độ nào đó.

Ở cấp bậc thứ hai của sự tự-giải-thoát, dù các tư duy có hiện lên đi nữa nhưng chúng sẽ không còn đủ sức tạo ra một sự nối kết nào sau đó, cũng không gây ra một tác động nào *(trong giai đoạn tiên khởi thì người hành thiền vẫn còn ý thức được: Đây là một khái niệm," chính sự sự ý thức đó về một khái niệm cũng là một khái niệm. ở thể dạng lắng sâu hơn trong thiền định thì sự ý thức đó chỉ xảy ra qua một thoáng rung động thật nhẹ nhàng, không mang một ý nghĩa nào cả trên dòng luân lưu của tri thức, và sau đó chỉ là một sự vắng lặng và trống không thật mênh mông)*. Nếu không tạo được một tác động nào thì các tư duy sẽ tan biến hết. Sự sinh hoạt khái niệm cũng vậy, khi không còn tự duy trì được nữa thì nó sẽ chấm dứt, tương tự như một con rắn quấn thành một nùi tự nó tháo gỡ ra một cách tự nhiên. Sự sinh hoạt khái niệm cũng vậy, không thể làm cho nó dừng lại được bằng bất cứ một liều thuốc hóa giải nào khác hơn là chính nó hay bên ngoài chính nó *(nếu mở rộng ý niệm này thì chúng ta phải luôn ý thức rằng đối với một người tu tập Phật giáo thì sự giải thoát chỉ có thể là do nơi mình và bởi chính mình mà thôi. Đó là cách tự mình thoát khỏi những sự sinh sôi của tư duy, xúc cảm và tác ý của chính mình, nói chung là các phóng tưởng*

tâm thần dưới các hình thức khái niệm. Chúng quấn vào nhau như những con rắn, và nếu các con rắn ấy ở bên trong tâm thức thì việc tháo gỡ chúng cũng phải xảy ra ở bên trong tâm thức, và bên trong tâm thức thì ngoài thiền định ra sẽ không có một phương pháp nào khác cả. Vì thế thật hết sức rõ ràng tất cả các"phương tiện thiện xảo"chỉ là các màu mè tôn giáo, các hình thức tín ngưỡng, giúp mình 'trở về"với tâm thức mình, thế nhưng đôi khi người tu tập chỉ biết dừng lại với các 'phương tiện"đó mà không nghĩ rằng là cần phải đi xa hơn).

Ở cấp bậc thứ ba của sự tự-giải-thoát, và cũng là cấp bậc tối thượng và tuyệt vời nhất, có nghĩa là đã quán thấy và duy trì được gương mặt của tâm thức thần bí nhất qua thể dạng đích thật của nó, không một chút méo mó nào, thì sự sinh hoạt khái niệm dù có hiện lên cũng sẽ không còn là một mối nguy hiểm nữa. Sự bảo vệ tâm thức nền tảng sẽ không hề nao núng trước sự sinh hoạt khái niệm, tương tự thí dụ trên đây về tên trộm *(sự sinh hoạt khái niệm)* thâm nhập vào gian nhà trống không *(tâm thức thần bí nhất)*, gian nhà chẳng có gì để mà mất cắp, tên trộm cũng chẳng tìm thấy gì để mà vơ vét, cũng vậy sự sinh hoạt khái niệm tự nó tan biến *(nếu tâm thức mình ở thể dạng 'nền tảng tự tại"tức là thể dạng 'tâm thức thần bí nhất" và cũng là một thể dạng 'hoàn-toàn-trống-không," thì khi đó tâm thức mình cũng sẽ tương tự như một gian nhà không cất chứa bất cứ gì bên trong. Sự 'sinh hoạt khái niệm" xuất hiện trong tâm thức và 'tên trộm"thâm nhập vào gian nhà, cả hai đều không gây ra một sự nguy hiểm nào cả. Sự 'sinh hoạt khái niệm"cũng chỉ là một sự rung động hiện ra và tự tan biến trong tâm thức trống không, tương tự như tên trộm thâm nhập vào gian nhà trống không và ra đi, không vơ vét được gì cả. Dù tên trộm mang bản chất của một tên trộm, nhưng không phải là tên trộm, các sự sôi sục trong tâm thức dù mang bản chất khái niệm, nhưng không phải là khái niệm mà chỉ là một thoáng rung động vô nghĩa xảy ra trong tâm thức mà thôi. Sự sinh hoạt khái niệm và tên trộm không gây ra một tác động nào, không tạo ra một sự 'liu kéo"nào hay một sự "nối kết"nào sau đó. Vậy thì thỉnh thoảng người tu tập cũng nên nhìn vào tâm thức mình xem trong đó có cất chứa đủ mọi thứ mà tên trộm ưa thích hay không? Nói một cách cụ thể hơn là trong nội tâm mình có cất chứa những thứ hận thù, đam mê, thương yêu, ghét bỏ, tham lam, hy vọng, nuối tiếc, mong đợi, cầu xin... và cả những thứ kết nối chằng chịt - adventives - do chúng gây ra hay không? Nếu tên trộm lẻn vào được vào một tâm thức đầy ắp những thứ 'quý giá"đó thì tất nó sẽ phải vui mừng chẳng khác gì như lọt vào kho báu của A-li-ba-ba vậy).*

Trong số các phương cách [luyện tập] về sự tự-giải-thoát thì phương cách thứ ba trên đây là sâu sắc nhất: "Tất cả đã từng hiển lộ như trước đây *(các khái niệm tức các tư duy, xúc cảm và tác ý thì cũng chỉ có bấy nhiêu đó, cứ lập đi lập lại, hiện lên rồi biến mất, biến mất rồi lại hiện lên)*, thế nhưng các phương cách giải thoát thì lại hoàn toàn khác hẳn".

SỰ TỰ TIN

Nếu luyện tập thiền định về tâm thức thần bí nhất nhưng thiếu suy tư tinh tế thì việc luyện tập đó cũng chỉ xoay quanh các sinh hoạt khái niệm, tức là ở một cấp bậc sơ

đẳng, mang tính cách tạm thời và phụ thuộc (adventive). Tâm thức đó thấp hơn so với tri thức căn bản tự tại (innate fundamental consciousness), chẳng qua là vì sự sinh hoạt khái niệm đã làm cho nó bị ô nhiễm. Dưới góc nhìn đó thì tri thức ấy cũng chỉ là một thứ tri thức lầm lẫn. Vì vậy người ta thường bảo rằng nếu luyện tập thiền định về tâm thức thần bí nhất mà không dựa vào các sự suy tư tinh tế và các cảm nhận trực tiếp của chính mình, thì sẽ khó tránh khỏi mọi sự lầm lẫn.

Thế nhưng nếu đủ sức thiền định đúng với những lời chỉ dẫn vô cùng sâu sắc trên đây thì các bạn sẽ không còn cần phải luyện tập thiền định bằng cách dựa vào các sự tạo tác tâm thần nữa. Hơn nữa, các bạn cũng sẽ đạt được sự tự tin và một niềm tin tưởng vững chắc hơn đối với tâm thức thần bí nhất, tức là Dharmakaya/Thân Đạo Pháp: "Nếu thiền định mà không thực hiện được điều đó thì cũng chỉ đưa đến mọi sự lầm lẫn mà thôi. Bất cứ ai hiểu được điều đó [đương nhiên] sẽ thường trú trong Dharmakaya/Thân Đạo Pháp mà không cần phải thiền định thêm về bất cứ gì nữa cả".

Các bạn nên mượn sự vững tin hiện lên qua sự cảm nhận về sự tự-giải-thoát, và hãy đặt sự vững tin đó đúng vào điểm tối hậu và chủ yếu nhất: "Sự vững tin sẽ hiện lên đúng vào lúc [mà mình] đã loại bỏ được mọi thứ tư duy - và đây cũng là giáo huấn chủ yếu thứ ba".

Bures-Sur-Yvette,12.04.18
Hoang Phong chuyển ngữ
(Còn tiếp)

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Tham ái

347

Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Ngày Mai Ăn Khỏi Trả Tiền

Xưa, có một ông già bán kẹo, đề trên thùng xe như thế này: "Ngày mai ăn khỏi trả tiền". Trẻ con xem thấy thích lắm, rủ nhau mua kẹo và định bụng rằng: "Ngày mai mình sẽ ăn kẹo đã thèm. Vì ông bán kẹo đã nói vậy mà."

Nhưng ngày mai, ngày mai... ngày mai rồi ngày mai. Ông bán kẹo vẫn bắt bọn trẻ phải đưa tiền mới trao kẹo cho. Vì ngày mai là một ngày không bao giờ có.

HOA ĐÀO NĂM ẤY

Tiểu Lục Thần Phong

Mùa xuân năm ấy trong thành Hạc Hoa xuất hiện một vị du sĩ rất lạ lùng. Ông mang một cành đào rao bán, phố phường xôn xao. Nhiều người hoỉ mua nhưng chẳng ai mua được. Có một người phục sức sang trọng, trông khệnh khạng ra vẻ đại gia lắm. Y gặp vị du sĩ kia và hỏi:

- Cành đào của ông giá bao nhiêu?

Vị du sĩ bảo:

- Mỗi nụ hoa một đồng tiền vàng

Y trố mắt lên:

- Hoa đào của ông có gì mà mắc thế?

Du sĩ bảo:

- Nếu ông biết thì tôi không cần phải noí, nếu ông đã không biết thì tôi nói cũng bằng thừa.

Noí xong vị du sĩ bỏ đi, y đứng giữa đường chỉ chỏ với những người hiếu kỳ xung quanh và bảo:

- Đồ điên!

Vị du sĩ cũng chẳng bận tâm y nói gì, ông vẫn ung dung bước, vẻ mặt rất thanh thản. Ông đi giữa thành mà như chẳng thấy bóng người. Ông bước đi mà tâm trí của ông như ở một phương trời mộng nào đó chứ chẳng phải giữa thành Hạc Hoa này. Cuối đường ông ghé vào một quán nước đơn sơ ở góc thành, trong quán có vài vị khách trông cũng rất nhàn hạ. Đối diện bàn ông có chàng trai trẻ ngồi một mình độc ẩm. Một lát sau dường như chàng trai nhìn thấy ông bèn gật đầu chào. Chàng buộc miệng khen:

- Hoa đào đẹp quá!

Ông mỉm cười noí:

- Mỗi nụ hoa một đồng tiền vàng.

Chàng trai bảo:

- Mỗi nụ chỉ một đồng tiền vàng sao?

Bây giờ thì đến lượt vị du sĩ giật mình, ông hỏi:

- Cậu mua nổi sao?

Chàng trai bảo:

- Tiểu bối này một xu cũng không có nhưng có vật này có thể đổi được chăng?

Noi xong chàng ta bèn lấy giấy bút trong tuí thảo một bốn câu thơ:

Hồng lên xuân sắc hoa đào
Vô ngôn biệt ý xin chào người dưng
Vì chưng thương nhớ quá chừng
Giang hà một cõi đã từng quen nhau ?

Viết xong chàng trao cho vị du sĩ, ông ấy đọc lướt nét mặt thoáng chút ngẩn ngơ, cầm tờ hoa tiên trên tay nhìn thẳng vào mắt chàng trai:

- Ta đão rao bán mỗi nụ hoa một đồng tiền vàng, cả thành Hạc Hoa này đều bảo ta điên. Giờ đây ta gặp cậu, ta sẽ tặng cậu cành hoa này mà không lấy một xu. Không lẽ ta điên thật sao? Mấy mươi năm ngao du khắp sơn hà, hôm nay ta gặp cậu kể cũng như có duyên nhau. Người trong thiên hạ có muôn vạn nhưng dễ gì gặp được tri kỷ. Người xưa từng bảo: "Đắc nhất tri kỷ khả dĩ bất hận". Ta hôm nay mãn nguyện lắm rồi! Cành đào nay là của cậu, cậu hãy lấy nó đi!

Chàng trai trẻ cũng ngạc nhiên không kém, cậu ta vừa chạm tay vào cành đào thì nó lập tức biến thành vàng ròng trông rất rực rỡ. cậu ta ngạc nhiên và rụt tay lại:

- Xin đa tạ vị tiền bối! Tiểu bối không cần thứ hoa vàng này, ngài hãy giữ lấy!

Vị du sĩ cười vang vang, quả thật ta không lầm người. Này chàng trai trẻ hãy cầm lấy cành hoa của cậu đi!

Noi xong ông trao cành hoa cho chàng, lập tức cành hoa trở lại tươi thắm như thuở ban đầu. Chàng trai vui mừng cảm ơn ông rồi hoỉ tên họ nhưng ông cười:

- Tên họ mà chi? Xác thân tứ đại này vốn là vật ô hợp, nó đã sanh ra thì nó sẽ hoại đi bất cứ lúc nào. Nó đã vốn mong manh vô thường mà còn cho nó một cái tên nữa thì khác chi giữa cơn mộng còn mộng thêm một giấc mộng con.

Chàng trai mời vị du sĩ một chén rượu thì ông lại bảo:

- Nó là thứ độc dược hại không biết bao nhiêu người trên thế gian này. Ta giữ giới không thể nhận, mong cậu không phiền lòng!

Chàng trai nói:

- Thưa ngài, Y theo nghĩa lý thì được, chấp ở văn tự thì há chẳng phải hủ nho sao? người như lão tiền bối đây lẽ nào lại dính mắc?

Vị du sĩ đứng phắt lên, vỗ lấy vai chàng trai:

- Mấy mươi năm rong ruổi, chưa có ai noi với ta như thế! cậu trẻ người mà kiến thức quảng bác, trông giản dị mà sâu sắc vô cùng. rượu là nước mắt của thế nhân. Hôm nay ta sẽ uống cạn chén này và sẽ chỉ một lần này thôi!

Noi xong ông cạn chén rượu rồi từ tạ quay bước đi. Chàng trai vội theo hoỉ:

- Thưa bậc tiền bối, ông đi về đâu? ngày sau còn gặp lại nhau?

Ông cười bảo:

- Về đâu ư? Ta về nơi ta đã ra đi, thế gian này như quán trọ bên đường cậu bận tâm làm gì? Còn mai này có gặp lại nhau hay không làm sao ta biết được? nếu có duyên thì gặp lại thôi! Một sát-na này cũng là trăm năm. Quá khứ đã qua hối tiếc làm gì, tương

lai chưa đến mong mỏi mà chi, hãy vui với hiện tại này là đủ lắm rồi. Lẽ nào cậu chưa hiểu ra?

Noí xong vị du sĩ bỏ đi, chàng trai đứng nhìn theo cho đến khi bóng dáng ông xa hút cuối chân trời. Chàng quay lại cầm cành đào trong tay lòng mang mang, rồi chàng quyết định đem lên chùa lễ Phật. Trên đường đi người phố thị nhìn cành đào, nhìn chàng chỉ trỏ , bàn tán xôn xao:

- Sao anh ta mua nổi cành đào mà mỗi nụ hoa một đồng tiền vàng?

- Anh ta bỏ ra cả gia tài lớn mới mua nổi cành đào này?

- Anh ta mua nó để làm gì vậy?

Mặc cho tiếng người bàn tán, mặc cho bao ánh mắt tò mò.. Chàng đi thẳng đến chùa dâng cành đào lên cúng dường Thế Tôn. Ra về lòng dạ lâng lâng, đêm chàng trở về căn phòng của mình chong đèn viết :

- Ngàn năm trước Thôi Hộ viết: "Đào hoa y cựu" làm thao thức bao khách văn chương, thời gian xoá nhòa tất cả, chôn vuì tất cả , ấy vậy mà cảm xúc của "Đào hoa y cựu" vẫn cứ thanh tân như thuở nào. Ngàn năm đã qua rồi ngàn năm nữa sẽ đến. Hoa đào nở rồi cánh hoa rụng về cội cũng giống như ta vậy thôi. Ta đến đây, rong chơi trong thế gian này rồi ta lại đi. Ta chết đi chỉ là cái xác thân tứ đại thôi, cái " thức" nó vẫn còn mãi mãi…Nó sẽ lên cao hay xuống thấp tuỳ vào những việc ta làm, ta noí, ta nghĩ trong cuộc đời này! Người ta đến với nhau trong cuộc đời này thương hay ghét cũng đều có cái nhân sâu xa của nó. Khi đến mình không thể lựa chọn vì việc đã thành rồi, ta chỉ có thể chuyển hóa nó cho mai sau mà thôi! Xác thân này đã là hư huyễn vậy thì cái gọi công danh sao có thật được? Một cái huyễn chồng lên một cái huyễn. Vậy mà con người ta cứ khổ đau, cứ hại nhau… để chiếm cho được cái công danh kia! Nếu noí công danh thì thế gian này ai hơn được Thế Tôn, ấy vậy mà ngài coi như đôi dép rách! nối tiếp ngài chư tổ cũng vậy: Ngài Bồ Đề Đạt Ma, ngài An Sĩ Cao, … Đều là công danh bậc nhất nhưng các ngài vứt bỏ như không! Hôm nay ta gặp một bậc du sĩ kỳ lạ ở thành Hạc Hoa. Ông ta rao bán cành đào mà mỗi nụ hoa là một đồng tiền vàng, rồi ông ta tặng ta lại biến nó thành vàng ròng. Cái ta cần nào phải là hoa vàng, thì ra ông ấy thử lòng ta! May mà ta không trở nên hèn kém trong cái sát-na đầy ma quái ấy! Hoa đào muà xuân, ao sen muà hạ, lá vàng mùa thu, tuyết bạch trời đông. Thời gian cứ mãi xoay vòng, ta sanh ra rồi lớn lên , lại già đi rồi chết… thế là lại một vòng quay mới. Cái vòng quay miên viễn không dừng lại bao giờ! Ta biết Thế Tôn và các vị giác ngộ đang ngồi xem cái vòng quay bất tận miên man này! Hoa đào năm nay rực rỡ nào có kém gì hoa đào ngàn năm trước của Thôi Hộ, Hoa đào nở ,cánh bay trong gió, cánh rụng về cội, thảm cỏ xanh hồng lên sắc hoa đào.

Thương nhau tình thắm cánh hoa đào
Trời phương ngoại mùa xuân lòng nao nao
Người đâu?
Ta đâu?
Nay nhặt cánh hoa mai về bên ấy!
Một trời trắng mây.

Hoa nở rồi rụng, người đến rồi đi, xác thân sẽ hoại, lưu lại chút tình, ai nhớ ai quên, dù quen dù lạ… Một ngày mùa xuân ngôn ngữ sao tả được? chữ nghĩa mà chi? Dù thân sơ,

TRIẾT LÝ VÀ THỰC TIỄN
Của Pháp Môn Tịnh Độ

Thích Tâm An *biên dịch*

LUẬN NIỆM PHẬT
Đại sư Đàm Hư

Phật pháp có nguồn gốc từ Ấn Độ, được lưu truyền đến Trung Quốc và các quốc gia khác trên thế giới. Mục đích của Phật pháp không ngoài việc giúp chúng sinh giác ngộ tự tâm, xa lìa khổ đau đạt được an lạc. Danh từ "Phật" có nghĩa là giác, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn. Phật lấy từ bi làm gốc, *từ*nghĩa là ban vui, *bi*nghĩa là cứu khổ.

Sau khi thành Phật, Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, về sau những lời dạy của Ngài được chúng đệ tử kết tập thành tam tạng mười hai bộ kinh. Vì căn tính chúng sinh bất đồng, trình độ tiếp thu Phật pháp cũng khác nhau, do đó Phật pháp truyền đến Trung Quốc từ tam tạng mười hai bộ kinh lại được phân ra thành năm tông lớn: Giáo, Luật, Mật, Thiền và Tịnh. Sự phân chia này không phải là ý muốn của Phật. Đứng trên phương diện kinh điển thì không cái gì gọi là tông, là phái. Nhưng để thích hợp với căn tính chúng sinh, trong xu hướng tự nhiên, người sau mới thành lập các tông phái như vậy. Trong các tông phái, Thiền tông lấy giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật. Giáo tông dạy môn hạ trước đốn ngộ sau mới tiệm tu, do tu mà chứng. Đối với Luật tông thì chuyên trì giới luật, trước giữ gìn thân, sau đó mới nhiếp tâm, giới có thể là: Ngũ giới, 250 giới, Bồ tát giới, Tam tụ tịnh giới. Do có nghiêm trì Tịnh giới, mà từ giới sinh định, từ định phát sinh trí tuệ. Mật tông chuyên trì chú, chú trọng tu Tam Mật tương ưng. Bốn tông này đối với người sơ cơ học đạo khó thực hành viên mãn. Duy chỉ có Tịnh độ tông là rất đơn giản, chỉ chuyên trì một câu "Nam Mô A Di Đà Phật", niệm đến nhất tâm bất loạn, liền được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sinh Cực Lạc. Không luận là người độn căn hay lợi căn đều có thể thực hành và được nhiếp thọ.

Pháp môn Tịnh độ lấy việc hành trì duynhất là thành tâm niệm Phật. Nếu có người nào hỏi: "Vì sao phải niệm Phật?". Trước tiên xin giải thích rõhai từ "niệm Phật". Từ "niệm" là do hai từ "kim" và "tâm" hợp lại mà thành. Từ "Phật" là tiếng Phạn, nói cho đủ là "Phật Đà Da" Trung Hoa dịch là giác ngộ, cũng còn có nghĩa là "hiểu biết". Việc niệmPhật người người có thể thực hành được. Mục đích củaviệc niệm Phật là hiện tại đạt được nhất tâm bất loạn, giác ngộ và giải thoát. Một niệm của chúng ta đầy đủ thập pháp giới, nên mới nói: "Mười đời xưa nay không lìa một niệm, hiện trong mười phương cát bụi, không cách một mảy may". Nếu chúng ta niệm Phật thì "**Một niệm niệm Phật, một niệm giác ngộ, niệm niệm niệm Phật, niệm niệm giác ngộ". "Một niệm niệm Phật, một niệm tỉnh giác, niệm niệm niệm Phật, niệm niệm tỉnh giác"**. Ai mà không muốn giác ngộ, không muốn tỉnh giác? Thế nhưng chúng ta, miệng thì nói muốn tỉnh giác, muốn giác ngộ mà tâm lại hồ đồ. Hồ đồ về cái gì? Đó là ý có ba nghiệp: Tham, sân, si. Miệng có bốn: Nói dối, nói lời thêu

dệt, nói ác khẩu, nói lời ly gián. Thân có ba: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Do thân, khẩu, ý không trong sạch nên hằng ngày, sáu căn tiếp xúc với sáu trần chỉ phân biệt âm thanh, hình sắc, lợi dưỡng, hơn thua, thị phi, tốt xấu, để rồi lấy những thứ đó làm sở tri, sở giác của mình. Niệm Phật là cải đổi, bỏ đi tất cả những phân biệt hơn thua chấp trước đó, mà khôi phục lại cái bản tri bản giác. Một khi cái bản tri bản giác được khôi phục hoàn toàn là thành Phật. Việc thành Phật cũng không phải việc gì ở đâu xa xôi mà chủ yếu dụng công niệm Phật, niệm được thành phiến thì những cặn bã của chân tâm dần dần bị phá vỡ, lúc đó Phật tính sẽ hiển bày.

Bản tâm của chúng ta xưa nay vốn thanhtịnh, bình đẳng giác ngộ, quang minh rực rỡ, bao trùm khắp pháp giới hư không. Chỉ vì vô minh vọngđộng mà bị sáu trần dẫn dắt, do đó sự hiểu biết củachúng ta bị hạn hẹp, chỉ nhận thức được sắc thân tiểu ngã mà không thể nhập tính giác đại ngã vốn có xưanay. Mọi người không ngờ thân thể mà chúng ta cho là"cái ta" chỉ là bảy đại: Đất, nước, gió, lửa, không,căn, thức hợp lại mà thành. Nếu đem phân chia ra từng phần thì thân thể không tồn tại được. Thí như: Thịt da là thuộc về phần đất; máu mủ, mồ hôi, nước mắt... là nước, hơi ấm là lửa, sự chuyển độngcủa không khí và hơi thở trong thân thể và bên ngoài không trung là thuộc về phần không khí; ngoài ra còn có sáu căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn và ý căn là thuộc căn đại. Trong mỗi căn lại có mỗi thức, sáu thức thuộc về phần thức đại. Nếu đem tất cả những phần trên phân ra từng phần, một người không thể nào tồn tại, vậy cái gì làm "cái ta" đây? Chúng ta xưa nay mê lầm cho bảy đại là ta, nhưng trên thực tế nó chỉ là một đãy da dơ bẩn, tanh hôi được trang hoàng bên ngoài bởi một lớp da nên chúng có ta khó nhận thức được.

Thí dụ chúng ta đang nghe pháp như vậy, tự nhiên có một người nào đó đem một túi đựng đầy phân tiến lại, chắc chắn mọi người cho đó là dơ dáy và hôi thối, người thì bịt mũi lại hoặc người thì đem nó mà bỏ, xem nó hết sức khinh rẻ. Thật ra, chúng ta ai ai cũng có một cái túi đầy dơ dáy như vậy, nhưng nó không lộ rõ ra bên ngoài như bao phân kia, mà được tiết ra bên ngoài thông qua chín lỗ, nên nói: "Chín lỗ thường bất tịnh" là vậy. Mọi người lại nhận lấy cái đãy da dơ bẩn làm cái ta, rồi yêu thương, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ. Nếu lấy nhãn quan Phật mà nhìn thì chúng ta thật ngu si biết chừng nào. Do đó, mọi người cần phải quánchiếu cái thân mà bấy lâu nay nhận làm "cái ta", nó chỉlà vật đầy bất tịnh. Đứng trên phương diện địnhnghĩa "cái ta" nếu nói thân thể này thật là ta, thì chúng ta có thể sai khiến nó làm theo ý muốn của mình, khi cần thì dùng, không cần có thể bỏ đi. Nếu không sai khiến được nó thì "cái ta" là cái gì đây?

Theo tập quán phổ thông, mọi người đều cho thân thể là ta, từ chỗ có ta lại có người, từ nhiều người hợp lại có chúng sinh, mỗi một chúng sinh đều ham muốn sống trường thọ, thật ra đó là điều hoàn toàn giả danh giả tướng. Vì "ta" và "người" là hai tướng đối đãi (tướng đối đãi là ở chỗ do có ta mà có người, do có người mà có ta). "Chúng sinh" là nhân hư giả (do vay mượn nhiều nhân duyên mà thành). "Thọ giả" cũng là tướng đối đãi không thực (Ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tướng trạng của chúng vốn biến đổi không ngừng). Như vậy, nếu ly khai tất cả những tướng hư vọng giả danh ấy thì có một

cái ngã thật phải không?

Hơn nữa, nghĩa "cái ta" là phải có chủ thể, mọi người thường cho thân thể là ta, nhưng nào có sai khiến nó được đâu, ví như: Lúc đói không ănchịu không được, lúc khát không uống không thể làm gì, ngay cả sinh mạng khi hơi thở đã tắt, không chết cũng không được, thậm chí mắt thấy sắc đẹp không nhìn cũng không được, gặp hoàn cảnh ngũ dục sung túc, không thọ nhận cũng không xong. Như vậy, nếu mọi người không làm chủ được những vấn đề nói trên thì "cái ta" làm gì mà có. Tất cả những cái ăn, uống, thọ nhận là thuộc phần sinh mạng, sinh mạng thì có sinh có diệt, ngoài sinh mạng ra, mỗi chúng ta đều có một tuệ mạng, tuệ mạng thì không sinh cũng không diệt. Như vậy tuệ mạng là cái gì mà không sinh không diệt? Đó là tri giác tính. Tri giác tính tuy là vô hình vô tướng nhưng lại bao trùm khắp hư không pháp giới, không nơi nào là không có. Cái được gọi là: "Không trung sinh đại giác, như bọt nước đại dương". Niệm Phật chính là nuôi dưỡng tuệ mạng pháp thân của chính mình, nhờ vào tha lực và tự lực, cầu sinh thế giới CựcLạc, khai mở Phật tri kiến, phục hồi lại bản giác tựthân. Chư Tổ như: Thiên Thai Trí Giả Đại sư, VĩnhMinh Đại sư, Long Thọ Thiền sư, Ngẫu Ích Đại sư, Triệt Ngộ Thiền sư... các ngài đều quy hướng Tịnh độ, chuyên môn niệm Phật. Vì tu các tông khác thường thường căn khí không thích hợp, hoặc khi tu gặp các cảnh tướng mà không người hướng dẫn sẽ gặp nguy hiểm, mang bệnh vào thân. Người niệm Phật chỉ cần *tín, hạnh, nguyện*đầy đủ, niệm chắc chắn thiết thực, đã có sự trợ giúp của tha lực, lại có sự tu hành của tự lực, thì tuyệt không bao giờ gặp sai lầm. Cho nên nói pháp môn niệm Phật là pháp môn tối thắng mau thành Phật là vậy. Tu các pháp môn khác hoàn toàn dựa vào tự lực, phải đoạn trừhết tham sân si, các lậu hoặc mới trực chứng. Nói thì dễ dàng như vậy, thực tế việc đoạn trừ tham sân si nào có dễ, vì nó đã được huân tập từ nhiều kiếp. Tu pháp môn Tịnh độ có một điểm đặc biệt là *đới nghiệp vãng sinh*. Sau khi được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, nhờ vào năng lực không thể nghĩ bàn của Phật A Di Đà, Đại Thế Chí Bồ tát và Quán Thế Âm Bồ tát, cùng chư Thánh chúng, được hộdẫn dắt huân tu, trong tương lai dần dần nghiệp dứt tình không. Từ nơi Phàm Thánh Đồng Cư Độ, rồi tu tiến đến Phương Tiện Hữu Dư Độ, kế tiếp tiến lên Thật Báo Trang Nghiêm Độ, cuối cùng đạt được chân thân của Phật. Đó là giai đoạn tiến tu của người có căn cơ hạ liệt. Đối với người có căn tính Đại thừa, dù sinh đến bất kỳ quốc độ nào trong bốn quốc độ trên đều có thể thấy các quốc độ còn lại.

Niệm Phật cầu vãng sinh là pháp môn tốithắng, được vãng sinh đến thế giới Cực Lạc thì không còn tái sinh đọa lạc, hoàn toàn không còntạo nghiệp, tự mình gia công tiến tu cho đến ngàythành Phật độ chúng sinh. Tu hành các pháp môn khácchỉ nhiên cũng tốt. Nhưng công phu tu không đạt đến cứu cánh tất sẽ bị đọa lạc. Như thuở quá khứ có ba vị Bồ tát Thế Thân, Vô Trước, Sư Tử Giác cùng tu tập Duy thức quán, ba vị phát nguyện sinh nội viện Đâu Suất thấy Bồ tát Di Lặc. Các vị cam kết vớinhau rằng, nếu ai sinh về đó trước thì quay trở lại báo cho những người khác biết. Đầu tiên, Sư Tử Giác viên tịch, trải qua ba năm không thấy trở lại báo, ba năm sau Thế Thân lại viên tịch. Lúc Thế Thân sắp lâm chung, Vô Trước bảo với Thế Thân rằng: "Sau khi ông

đến cõi trời Đâu Suất dù bất kỳlý do gì ông cũng phải trở lại đây báo cho tôi biết". Thế Thân qua đời, đúng ba năm sau ngài quay trởlại. Vô Trước hỏi Thế Thân: "Vì lý do gì mà ông trở lại đây muộn thế?". Thế Thân đáp: "Tôi đếnnội viện Đâu Suất chắp tay đảnh lễ tam bái, nhiễuquanh Bồ tát Di Lặc một vòng là quay trở lại liền". Vô Trước lại hỏi: "Hiện nay Sư Tử Giác đang ở đâu? Vì sao không thấy trở lại?". Thế Thân đáp: "Ông ấy sinh vào cõi trời ngoại viện Đâu Suất, không có trong nội viện. Do sinh vào cõi trời ngoại viện đang bị ngũ dục trói buộc nên không thấy Bồ tát Di Lặc, chính vì lý do đó mà không thể trở lại đây được". Vô Trước sau khi nghe nói sinh thiên rất nguy hiểm, nên phát nguyện không sinh thiên mà phát nguyện sinh Tịnh độ (theo Tịnh Độ Thập Nghi Luận của Đại sư Trí Giả). Thiết nghĩ, ngài Sư Tử Giác là một vị Bồ tát Đại thừa, sinh thiên còn bị ngũ dục dẫn dắt, hà huống gì là phàm phu chúng ta, qua đó cho thấy rằng sinh thiên là điều nguy hiểm vô cùng! Đối với người tu thiền định, nếu công phu chưa đạt đến trình độ siêu xuất tam giới, không luận sinh lên một cõi trời nào, sau khi hưởng hết phước sẽ bị đọa lạc, rồi tùy theo nghiệp mà thọ báo. Lời này đã được Phật nói cho A Nan trong Kinh Lăng Nghiêm. Đúng là tu Tịnh độ không có nguy hiểm. Nên nói: "Nhiều người tu đến phi phi tưởng, không bằng quy hướng Tây phương". Ý nói sinh đến tứ không của phi phi tưởng, khi tuổi thọ tận, phước hết đều bị đọa lạc, không bằng sinh về cõi Cực Lạc, dù có sinh nơi hạ hạ phẩm cũng có thể dần dần chứng đến thượng phẩm, so với việc sinh về cõi trời phi phi tưởng tốt hơn nhiều.

Trong thời khóa niệm Phật, mỗi ngày chúng ta nên đọc Kinh Di Đà, thường nên đọc vào công phu chiều. Đọc một lần, là một lần bạn đã huân tập cảnh giới thanh tịnh trang nghiêm vào trong tàng thức. Giống như bạn xem phim, một lần xem là một lần những hình ảnh trong phim đã huân tập vào tàng thức của bạn. Cũng vậy bạn đọc Kinh Di Đà lâu ngày, cảnh giới thù thắng trang nghiêm của cõi Cực Lạc sẽ dần dần huân tập vào trong tàng thức của bạn. Tuy hiện tại bạn chưa sinh Cực Lạc mà trong tâm đã được bao vây bởi cảnh giới Tây phương. Trong tương lai, đến giây phút lâm chung của bạn, ngoài công đức trì niệm danh hiệu Phật mà hằng ngày bạn huân tập, sẽ được Phật vàThánh chúng hiện ra tiếp dẫn. Lại còn những cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh mà hằng ngày bạn đọcKinh A Di đã được huân tập, cũng từ trong tâmthức hiện ra trợ giúp cho bạn vãng sinh nhanh chónghơn.

Điều được gọi là: "Tự tính Di Đà duy tâm Tịnh độ". Chúng sinh chính là Phật, Phật cũng là chúng sinh. Phật và chúng sinh, Phật tính vốn bình đẳng như nhau. Tâm tức là độ, độ tức là tâm, tất cả đều do tâm sở hiện. Vậy người niệm Phật nên có công phu như thế nào? Nếu tín, hạnh, nguyện kiên cố không thay đổi, tự tính và Phật tức là một, tự tính tức là Phật, Phật tức là tự tính. Phật vốn đầy đủ vô lượng thọ, chúng sinh cũng vốn đầy đủ vô lượng thọ, Phật vốn đầy đủ vô lượng quang, chúng sinh cũng vốn đầy đủ vô lượng quang. Phật A Di Đà có thế giới Cực Lạc, y báo, chính báo, tướng hảo trang nghiêm; chúng sinh cũng có nhị báo, tướng hảo trang nghiêm. Trong Kinh Di Đà có nói: "Tất cả đều do Phật A Di Đà, muốn cho pháp âm chan hòa khắp nơi, mà biến hóa ra như vậy". Từ câu kinh này có thể chứng minh rằng các

cảnh giới của thế giới Cực Lạc đều tùy theo nghiệp tướng phước đức của Phật A Di Đà, duy tâm mà sở hiện. Trong khi đó Phật tính của chúng sinh vốn đầy đủ như Phật, mà chúng sinh lại không thể hiển hiện được những cảnh giới như Đức Phật Di Đà hay sao? Cho nên nói tự tính Di Đà, duy tâm tức Tịnh độ là vậy. Tự tính không nằm ngoài Phật và chúng sinh, Tịnh độ cũng không ngoài tâm mà có. Tây phương Di Đà và tự tính Di Đà, Tây phương Tịnh độ và duy tâm Tịnh độ đều là một. Cần phải hiểu đúng chữ "duy tâm", duy tâm nói đây không phải là tâm điên đảo vọng tưởng duyên theo sáu trần hằng ngày, mà gọi "pháp pháp duy tâm". Nói duy tâm là để hiển bày tự tính vốn bao trùm chu biến khắp pháp giới hư không, để thấy thân tứ đại chỉ là giả hợp. Từ đó người niệm Phật mỗi ngày khi đọc tụng Kinh Di Đà cần hiểu rõ như vậy, để lòng tin phát khởi kiên cố. Kinh Di Đà là kinh vô vấn tự thuyết. Trong kinh miêu tả về y báo, chính báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc và pháp môn niệm Phật sinh Tây phương. Ý nghĩa của Kinh Pháp Hoa và Kinh Di Đà giống nhau. Vì Kinh Pháp Hoa Phật cũng nói cho Tôn giả Xá Lợi Phất, cũng không ai hỏi mà tự nói. Sau khi Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa xong, Ngài ngồi xếp bằng nhập vào chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội, thân và tâm của Phật đều không lay động, từ nơi lông trắng giữa chặng mày phóng ra một luồng hào quang, chiếu khắp cả một muôn nghìn cõi ở phương Đông, hiện ra vô số tướng trang nghiêm, khiến cho hàng đại chúng vô cùng nghi nan. Sau khi đại chúng được Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Di Lặc giải quyết các nghi ngờ, lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chánh định an lành mà dậy, không có người nào thưa hỏi mà bảo với ngài Xá Lợi Phất rằng: "Trí tuệ của Phật rất sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào, tất cả hàng Thanh Văn cùng Bích Chi Phật đều khó biết được... thành tựu pháp vị tằng hữu thậm thâm... Tóm yếu mà nói, vô lượng vô biên pháp vị tằng hữu, Đức Phật thảy đều thành tựu". Tôi thường nói: "Kinh Pháp Hoa là nói rộng Kinh Di Đà, Kinh Di Đà lược nói Kinh Pháp Hoa". Hai bộ kinh này đều lần lượt đi từ sự đến lý, không như các kinh khác nói rất nhiều danh từ pháp tướng dẫn dắt người tu ngộ lý rồi tu sự, hoàn toàn nói đến cảnh hiện lượng và tâm hiện lượng. Nếu mọi người để tâm nghiên cứu, so sánh hai bộ kinh này chắc chắn sẽ thấy rõ hơn.

Kinh Pháp Hoa gồm 7 quyển 28 phẩm. 14 phẩm đầu là khai quyền hiển thật, 14 phẩm sau là khai mở việc gần để nói việc sâu xa, tất cả đều nói pháp tối thượng thừa. Ví như trong Kinh Di Đà có nói: "Nếu có người thiện nam tín nữ nào, được nghe danh hiệu A Di Đà Phật, rồi niệm danh hiệu đó, trong một ngày, hay hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, hay là bảy ngày, được nhất tâm bất loạn. Thế là người ấy vào phút lâm chung, Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mặt, người ấy lúc chết tâm không điên đảo, tức được vãng sinh về nơi Cực Lạc". Trong Kinh Pháp Hoa phẩm "Dược Vương Dược Thượng Bồ tát bổn sự" quyển thứ 6 có nói: "Nếu có người nghe kinh này, đúng như lời mà tu hành, đến lúc mạng chung liền qua cõi An Lạc, chỗ trụ xứ của Phật A Di Đà, cùng chúng đại Bồ tát vây quanh, mà sinh trong tòa báu hoa sen". Hai đoạn kinh nói trên ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. Kinh Di Đà nói về sự trang nghiêm thanh tịnh, thọ mạng, quang minh và sự hộ

niệm của sáu phương chư Phật... Tuy Kinh Pháp Hoa dùng văn tự để nói rộng có khác, thế nhưng về mặt cảnh giới và ý nghĩa hoàn toàn giống Kinh Di Đà. Vì vậy một câu "A Di Đà Phật" là pháp tối thượng thừa, bao quát vô lượng pháp môn.

Một câu "A Di Đà Phật", niệm được tương ưng, lập tức lục căn được thanh tịnh. Ví dụ, quý vị hiện tại đang niệm Phật, mắt thường thấy Phật đó là nhãn căn thanh tịnh, tai nghe âm thanh niệm Phật của mình và đại chúng, là nhĩ căn thanh tịnh, mũi ngửi hương trầm, là tỷ căn thanh tịnh, lưỡi đang co giãn phát ra danh hiệu Phật, là thiệt căn thanh tịnh, thân thể đang ở trong đạo tràng thanh tịnh, ngày ngày hướng Phật lễ bái đó là thân căn thanh tịnh, niệm Phật lạy Phật, tâm nhớ Phật là ý căn thanh tịnh. Lục căn thanh tịnh thì ba nghiệp thanh tịnh, ba nghiệp thanh tịnh thì thân không trộm cắp, sát sinh, tà dâm; miệng không nói hai lưỡi, ác khẩu, nói dối, nói lời thêu dệt; ý không tham, sân, si đó là tu thập thiện. Người tu hành không dễ gì mà đối trị được tam nghiệp, chỉ có niệm bốn chữ "A Di Đà Phật" mới có thể thu nhiếp, làm chủ được nghiệp, dần dần lâu ngày, niệm Phật thành phiến, tịnh nhân tăng trưởng, đến lúc lâm chung nhất định được vãng sinh Cực Lạc.

Phật và chúng sinh đều có chung quan niệm công phu mà thành. Phật một niệm đầy đủ thập pháp giới, chúng sinh một niệm cũng đầy đủ thập pháp giới. Nếu tâm khởi một niệm tham đó là Ngạ quỷ, tâm khởi một niệm sân là Địa ngục, tâm khởi một niệm si là Súc sinh, khởi một niệm mạn nghi là A tu la; một niệm vui ở ngũ thường, ngũ giới chuyển vào cõi Người, một niệm vui ở thượng phẩm thập thiện, thì sinh vào cõi Trời, nếu lấy Tứ Đế làm quán niệm đó là Thanh văn, lấy Mười Hai Nhân Duyên làm quán niệm, đó là Duyên giác, lấy Lục Độ làm quán niệm là Bồ tát, lấy tự lợi lợi tha, vạn hạnh bình đẳng làm quán niệm đó là Phật. Lại như trong nhân gian có các quan niệm: Sĩ, Nông, Công, Thương, Quân, Chính, Cảnh, Học sinh, đều là do quan niệm từ ban đầu mà hình thành. Vậy quan niệm là cái gì? Đó là do nhận thức của mọi người. Người niệm Phật cũng giống như vậy, mỗi ngày mắt thấy Phật, miệng niệm Phật, thân lễ lạy Phật, tâm nhớ Phật, tai nghe danh hiệu Phật, từng giây từng phút lấy việc vãng sinh Tịnh độ làm quan niệm, cứ như thế cho đến ngày thọ mạng hết, nhất định vãng sinh Tịnh độ và quyết định thành Phật. Như tôi đã nói ở trên, Phật giáo Trung Quốc, để thích hợp với xu thế tự nhiên, người sau mới phân chia thành một số tông phái như: Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông, Pháp Tướng tông (cũng gọi Từ Tư tông hoặc Duy Thức tông), Tịnh Độ tông, Chân Ngôn tông, Thiền Tông, Luật tông v.v... đều do quan hệ truyền bá và học tập chuyên môn, mới thành lập ra như vậy. Trong các tông phái trên, chỉ có Tịnh Độ tông và Luật tông, việc hành trì cũng như giáo nghĩa thâm nhập vào các tông phái khác, được các tông phái kiêm tu, đồng thời cũng được bảy chúng đệ tử Phật tu tập. Thí dụ như: Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông, Tam Luận tông, Pháp Tướng tông... Phán giáo và tu quán hoàn toàn khác nhau. Nhưng tóm lại mà nói, tất cả họ đều lấy pháp môn Tịnh độ làm phương tiện cứu cánh, đều lấy việc niệm Phật để thành Phật. Như Thiền tông trong tham thoại đầu cũng lấy câu "Người niệm Phật là ai?" để tu tập. Chẳng những vậy, bạn thấy không luận là một người xuất gia hay tại gia, cũng không luận

là người học Phật vì động cơ như thế nào, song mục đích duy nhất của người học Phật, không ngoài việc niệm Phật thành Phật, đồng thời trong quá trình học Phật đó cần phải giữ gìn giới luật thanh tịnh. Thí dụ như: Không luận Bắc tông, Nam tông hay một tông phái nào, hiện nay tại Trung Quốc, mỗi lúc mọi người lên chánh điện lạy Phật hay nhiễu quanh Phật đều niệm "Nam mô A Di Đà Phật". Lúc nói chuyện hay trả lời người khác mọi người đều niệm "Nam mô A Di Đà Phật". Tuy nhiên, mục đích tối hậu là không ngoài việc vãng sinh Tịnh độ thấy Phật thành Phật. Điều đó cho thấy rằng pháp môn niệm Phật rất phương tiện lại còn phổ biến. Giới luật cũng không kém quan trọng, Phật pháp có hưng thịnh hay không, cũng từ chỗ đệ tử của Phật có giữ gìn giới luật thanh tịnh hay không. Mọi người có giữ gìn giới luật thì Phật pháp trụ thế, ngược lại thì Phật pháp sẽ diệt vong.

Thời Phật còn tại thế, xứ xứ mọi người đều lấy Phật làm thầy. Sau khi Phật diệt độ, tất cả mọi người đều lấy giới luật làm thầy. Vào giờ phút Phật nhập diệt, bốn chúng đệ tử đều thỉnh Phật trụ thế, vây quanh mà khóc lóc thảm thiết. Lúc bấy giờ, tôn giả Vô Bần, lòng đầy bi thương suy nghĩ: "Lúc Phật còn tại thế, mọi người lấy Phật làm y chỉ. Nay Phật nhập diệt rồi, muốn cho Phật pháp cửu trụ thế gian phải làm gì? Cần phải thưa hỏi Phật cho rõ". Lúc đó, tôn giả A Nan cũng đang khóc lóc thảm thương. A Nan là thị giả Phật, đồng thời mỗi khi Phật thuyết pháp A Nan đều có mặt bên Phật. Do đó mà tôn giả Vô Bần nhờ A Nan hỏi Phật bốn việc. Trong đó có hai điều: Thứ nhất, lúc Phật còn tại thế mọi người an trú vào Phật, nay Phật diệt độ nên an trú vào đâu? Thứ hai, lúc Phật còn tại thế mọi người lấy Phật làm thầy, khi Phật diệt độ rồi, lấy ai làm thầy? Phật dạy: "Sau khi ta diệt độ các thầy nên an trú vào tứ niệm xứ, lấy giới luật làm thầy". Lời di giáo sau cùng đó cho chúng ta thấy giới luật thật quan trọng biết chừng nào.

Phàm là người đệ tử Phật, cần phải giữ gìn giới luật Phật dạy. Tuy nhiên, không giữ được trọn vẹn, cũng phải giữ những giới quan trọng. Vì giữbao nhiêu giới thì có lợi ích bấy nhiêu, nếu giữ đượctrọn thì sẽ có định lực rất lớn. Các đại tòng lâm Namtông cũng như Bắc tông đều có quy củ và gia phong.Quy củ và gia phong đó chính là mọi người đồng tu cùng giữ gìn giới luật. Thử hỏi một tự viện, một am thất, một tịnh xá, một niệm Phật đường mà không giữ gìn giới luật thì Phật pháp sẽ ra sao? Đó là những nơi mọi người thường vãng lai, ứng nhân tiếp vật,do đó cần phải có giới luật. Điều đó cho thấy rằngniệm Phật và trì giới quan trọng như nhau. Hiện tại,Luật tông có Luật sư Hoằng Nhất tuy là ngườichuyên hoằng truyền giới luật, thế nhưng lại cũngchuyên niệm Phật và khuyên người khác niệmPhật. Ngoài Luật sư Hoằng Nhất ra còn có lão Pháp sưĐế Nhàn, lão Hòa thượng Hư Vân v.v... không ngườinào là không chú trọng niệm Phật. Cho nên cổ đức có nói: "Giáo diễn bổn tông, tu hành Tịnh độ" là vậy.

Thông thường, đệ tử Phật có bảy chúng. Một là Tỳ kheo tăng, là người nam xuất gia thọ cụ túc giới. Hai là Tỳ kheo ni, là người nữ xuất gia thọ cụ túc giới. Ba là Thức xoa ma na được giải thích là người nữ học pháp, tức là Sa di ni muốn thọ giới cụ túc, từ mười tám đến hai mươi tuổi, học sáu pháp (không dâm dục, không trộm cắp, không sát sinh, không

nói dối, không uống rượu và không ăn phi thời). Trải qua sự học tập đó mới có thể thọ cụ túc giới làm Tỳ kheo ni. Bốn là Sa di, là người namhậu xuất gia thọ trì mười giới. Năm là Sa di ni, là người nữ hậu xuất gia cũng trì giữ mười giới. Sáu là Ưu bà tắc, là người nam tại gia gần gũi Tam Bảo. Bảy là Ưu bà di, cũng là người nữ tại gia gần gũi Tam Bảo.

Người tại gia niệm Phật, trước tiên phải quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới. Tam Bảo là gì? Là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. "Phật" bao gồm Phật Thích Ca Mâu Ni hiện thân ở cõi Ta Bà, cho đến chư Phật hiện tại, quá khứ và vị lai. "Pháp" có nghĩa là quy tắc, đó là lời dạy của chư Phật. "Tăng" có nghĩa là hòa hợp, là những người xuất gia thay Phật hoằng dương chánh pháp, làm mô phạm cho thế gian. Tam Bảo gồm có Tự Tính Tam Bảo, Biệt Tướng Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo. Tự tính Tam Bảo ở mỗi chúng sinh vốn có đầy đủ, chẳng hướng ngoại mà tìm cầu. Như: Linh Minh Giác Chiếu làPhật bảo, Tịch Thường Viên Tịnh là Pháp bảo,Cách Hòa Diệu Lạc là Tăng bảo. Biệt tướng Tam Bảogồm những gì? Bao gồm pháp, nhân, quả, tính, tướng,thể, dụng. Như diệu giác và tam thân đều gọi làPhật, chân như lý thể và tất cả các pháp mônphương tiện, đều gọi là Pháp, năm mươi địa vị Thánh hiền đượcgọi là Tăng. Trụ trì Tam Bảo gồm những gì? Trụ trìTam Bảo ở thế gian, chủ yếu là muốn cho Phậtpháp được lưu truyền, đồng thời làm lợi ích cho tất cảchúng sinh. Tượng Phật, xá lợi... đó là Phật bảo, tamtạng Kinh, Luật, Luận là Pháp bảo, đồ chúng xuấtgia vì sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh đó là Tăngbảo.

Mọi người cần biết, người quy y Tam Bảo, ngoài việc quy y Tam Bảo ra, cần phải quay về quy y Tam Bảo tự tính vốn có của bản thân. Chữ "Phật" được giải thích là giác, người người đều có tính giác. Vì vậy quy y Phật, đó là quy y tính giác của mình. Người người đều có thể tự lực làm hiển lộ tính giác thù thắng đó. Quy y Pháp là quy y chân như diệu lý vốn có, mọi người đều có khả năng tiếp tục phát huy chân tính của tự thân. Quy y Tăng là quy y pháp thân thanh tịnh, tỉnh thức của tâm. Đã quy y Phật rồi, bạn không nên quy y bất kỳ một tôn giáo nào khác, vì các tôn giáo đó phần lớn đều ca ngợi, tôn sùng các vị thần linh, họ không đề cao vai trò và năng lực của con người, họ cho rằng con người chỉ vĩnh viễn làm nô lệ cho thần linh, điềuđó hoàn toàn trái ngược với tinh thần bình đẳng mà Phật thường dạy: "Các pháp vốn bình đẳng,không có cao thấp". Người người có tính giác, người người có khả năng niệm Phật thành Phật. Tuy nhiên, theo quan niệm phổ thông, khi nói đến quy y người ta thường nghĩ rằng chỉ quy y Thế gian Trụ trìTam Bảo. Điều đó chẳng qua nhằm dẫn đạo cho người,mục đích chính là hướng dẫn cho bạn quay vềnương tựa tự tính Tam Bảo vốn có của chính mình. Người niệm Phật cần hiểu biết tường tận, việc thành Phật không phải người khác thay thế, cũng chẳng aimang đến cho ta mà phải chính ta nỗ lực niệm Phật để tự tính hiển lộ mới có khả năng thành Phật.

Ngoài quy Tam Bảo, mọi người cần giữ gìn năm giới để làm trợ hạnh cho việc niệm Phật. Năm giới bao gồm: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Không sát sinh là nhân, không trộm cắp là nghĩa, không tà dâm là lễ, không nói dối là tín, không uống rượu là trí. Bạn giữ ngũ giới tức là đã giữ

ngũ thường của thế gian. Vì thế gian thường xem trọng nhân nghĩa. Không tàn nhẫn là đạo nghĩa, không cường bạo là lễ nhượng, không tà nhu là thật tín, không dối trá là lý trí, là không ngu si. Người niệm Phật trì năm giới là đã nuôi dưỡng nhân nghĩa, đạo nghĩa, lễ nhượng, thật tín, lý trí vừa là chánh nhân quân tử lại có thể làm tư lương cho Tịnh độ.

Ngoài tam quy ngũ giới ra, người niệm Phật còn phải tu tập quán niệm **Tứ niệm xứ**và **Bát chánh đạo**trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Tứ niệm xứ là gì? "Tứ" là bốn, "xứ" là nơi, là chốn, là vị trí, là đối tượng, là sở tri, là sở quán. Tứ niệm xứ là bốn cái mà người niệm Phật cần phải nhớ và quán niệm. Thứ nhất,**Quán thân bất tịnh.** Quán niệm thân thể này từ gót chân cho đến đỉnh đầu nơi nơi đều bất tịnh. Thân thể là xác thịt do tinh cha huyết mẹ hợp lại mà thành. Tất cả những gìlàm nên và chứa đựng trong thân thể (như thịt, máu,mủ, phân, nước tiểu, mồ hôi, nước mắt, lông, móng, dav.v...) đều dơ bẩn, hôi hám, không có gì là trongsạch, tất cả đều bất tịnh. Thứ hai, **Quán thọ là khổ**.Khổ nói tóm có tám loại: Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương yêu chia ly là khổ, muốn không được là khổ, thù nhau mà sống chung là khổ, năm ấm bất hòa là khổ. Còn nói đến những khổ nhỏ thì trong thế gian này có vô lượng vô biên. Bạn nghĩ xem từ một người, cho đến một gia đình, xã hội nào mà không có những điều khổ. Do đó người niệm Phật hãy quán niệm rằng, dù cảm thọ có vui có khổ, nhưng ở thế gian không có niềm vui chânthật, còn khổ đau thì đầy dẫy. Nếu có vui cũng là cái vui tạm bợ và chỉ có cái khổ trá hình, rốt cuộc cái vui là nguyên nhân của cái khổ. Vì thế, mọicảm thọ đều là khổ đau. Thứ ba**, Quán tâmvô thường**. Người niệm Phật phải quán chiếu rằng tâm niệm chúng ta luôn thay đổi trong từng sát na sinh diệt, không có một ý nghĩ nào là bền vững chắc chắn, niệm này qua niệm khác lại đến, sáu căn tiếp xúc với sáu trần mà sinh ra vọng tưởng điên đảo, không có một ý nghĩ nào là bền vững, chắc chắn. Thứ tư là **Quán pháp vô ngã**. Phải quán niệm vạn pháp trong thế gian đều do nhân duyên hòa hợp mà làm nên, không vật gì là có bản tính độc lập, là chân thật. Tất cả đều là giả danh giả tướng không có cái gì là có thực ngã. Đó là nói lược về tứ niệm xứ, người niệm Phật phải thường trực tỉnh giác quán niệm như thế, thì tâm niệm Phật mới được vững vàng.

Bát chánh đạolà gì? Bát chánh đạo là tám nguyên tắc hành động chân chính, là một trong những đạo lý căn bản của đạo Phật. Về mặt nhân bản, đó là nền đạo đức học thực nghiệm của Phật giáo nhằm rèn luyện con người có được một nhân cách đẹp đẽ cao thượng, trọn vẹn. Về mặt tôn giáo, đó là con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đau, đạt được an lạc giải thoát, chứng nhập Niết Bàn. Bát chánh đạo bao gồm: Một là *chánh kiến*, là thấy biết đúng đắn sự thật, là cái thấy vạn vật là vô thường, vô ngã, duyên sinh, đúng với bản chất của chúng, cái thấy không bị phủ che bởi vô minh, thành kiến cố chấp. Trái với chánh kiến là tà kiến. Chánh kiến là trí tuệ của bậc giác ngộ. Hai là *chánh tư duy*, là suy nghĩ chân chính, suy nghĩ đúng với bản tính của các pháp là vô thường, vô ngã, duyên sinh. Từ suy nghĩ chân chính sẽ mang đến cho ta tư tưởng chân chính. Nếu tư tưởng xấu xa, sai lầm sẽ làm cho ta trở nên một con người thấp kém, thô lỗ. Thứ ba là *chánhngữ*, là lời nói chân chính, nhiều khi chúng ta không nói dối nhưng vẫn sai với sự

thật. Chúng ta thấy biết như thế nào thì nói như vậy. Nhưng vì cái thấy biết đã sai lạc, lầm lẫn nên dẫn đến chúng ta nói không đúng sư thật. Lời nói chân chính là lời nói không dối trá, không độc ác, không đâm thọc, không thêu dệt và siểm nịnh, là lời nói không xuất phát từ lòng tham dục, ích kỷ, hận thù, giận dữ, ngu dốt, ganh tỵ. Nói năng chân chính là không nói lời nhằm lừa gạt, nịnh hót, phỉ báng, chửi mắng, vu oan, mà luôn nói những lời từ ái, hòa nhã, dịu dàng, đem an vui, lợi ích, tin tưởng cho người. Thứ tư là *chánh nghiệp*, là hành động chân chính. Có ba loại hành động (tam nghiệp): Hành động của ý (ý nghiệp), hành động của miệng (khẩu nghiệp) và hành động của thân (thân nghiệp). Hành động chân chính là hành động được soi sáng bởi chánh kiến, chánh tư duy, được thúc đẩy bởi tình thương và hiểu biết, là đi đứng nằm ngồi đều hành động theo chánh pháp. Thứ năm là *chánh mạng*, là mưu sinh chân chính, là nghề nghiệp chân chính. Ví dụ người niệm Phật, đối với xã hội thường làm các công việc từ thiện. Bác sĩ có công việc chuyên chữa trị bệnh để cứu lấy sinh mạng cho người bệnh, lại có những người chuyên bán quan tài, giết trâu mổ lợn đó cũng là nghề nghiệp v.v... Tuy nhiên, trong cuộc sống mưu sinh, người người đều phải làm việc vì miếng cơm manh áo, thế nhưng công việc kiếm sống cũng có những nghề nghiệp tốt và nghề nghiệp xấu. Đã là người tu học theo lời Phật dạy, bạn không nên chọn những nghề gây đau khổ cho người khác, hoặc tăng thêm sự bất công cho xã hội, hoặc tàn hại thiên nhiên và nhẫn tâm giết hại sinh mạng của mọi loài. Bạn nên tìm công việc lương thiện, trong sạch, để tăng thêm phước đức, không nên có tâm niệm gian tham, bóc lột sức người, không nên kiếm sống một cách bất lương trên mồ hôi nước mắt của người khác. Thứ sáu là *chánh tinh tấn*, là siêng năng chân chính. Chánh nghiệp và chánh tinh tấn có quan hệ mật thiết với nhau. Đứng trên phương diện nghề nghiệp mà nói, cũng là siêng năng, thế nhưng có nghề thì đưa con người đến cuộc sống thăng hoa giải thoát, có nghề lại đưa người ta vào con đường đọa lạc, như nghề đồ tể chẳng hạn. Người niệm Phật tinh tấn không ngừng là nhắm thẳng đến thành Phật, cho nên chánh tinh tấn và tà tinh tấn khác nhau là như vậy. Chánh tinh tấn được đặt nền tảng trên **tứ chánh cần**(những điều ác chưa sinh đừng cho phát sinh, những điều ác đã sinh thì trừ diệt, những việc thiện chưa sinh làm cho phát sinh, những điều thiện đã sinh thì làm tăng trưởng). Thứ bảy là *chánh niệm*, là nhớ nghĩ chân chính, khi làm việc gì thì bạn nên để hết tâm ý vào công việc ấy. Trong cuộc sống đời thường, hằng ngày bạn thường tiếp xúc với nhiều người, nếu bạn không có chánh niệm chắc chắn bạn sẽ gây đau khổ cho mình và người. Người niệm Phật, điều nhớ nghĩ tốt nhất là nhớ nghĩ đến bản nguyện của Phật A Di Đà, nhớ một câu "Nam mô A Di Đà Phật" là tốt nhất. Thứ tám là *chánh định*, là thiền định chân chính. "Định" là giữ tâm ý an trụ vào một đối tượng duy nhất. Phàm làm việc chân chính, bạn nên nhất tâm nhất ý mà làm. Việc gì là tốt? Là những việc đem lại lợi ích cho mình và cho người cả hiện tại và tương lai. Niệm Phật là việc tốt, do đó bạn nên nhất tâm mà niệm, một khi đã nhập vào niệm Phật tam muội thì đó là chánh định. Trên đây nói sơ lược về Bát chánh đạo cho người sơ cơ niệm Phật. Thực ra Bát chánh đạo khi đi vào nghiên cứu chuyên sâu, chẳng đơn giản như đãtrình bày, mà còn nhiều khía cạnh thậm

thâm vô cùng.

Người niệm Phật ngoài việc nhất tâm niệm Phật, nếu còn lo sợ thân tâm phóng dật hoặc tín, hạnh, nguyện không kiên cố, có thể lấy Tứ niệm xứ và Bát chánh đạo để ràng buộc, kiểm điểm thân tâm. Đối với phương pháp niệm Phật, cũng nên dựa theo căn tính của chính mình mà lựa chọn. Ngoài các phương pháp trì danh niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, quán tượng niệm Phật, thật tướng niệm Phật, còn có một phương pháp hết sức phương tiện, là phương pháp hô hấp niệm Phật. Hít vào bạn niệm "Nam mô A", thở ra bạn niệm "Di Đà Phật". Chỉ cần người niệm Phật có tâm kiên cố niệm Phật, từng giây từng phút, trong các oai nghi đi đứng nằm ngồi, không lìa một câu "Nam mô A Di Đà Phật". Đó là phương pháp rất tiện lợi cho bất kỳ một người nào, dù bạn là một công nhân đang làm việc trong các xí nghiệp, nhà máy hay là một công ty kinh doanh v.v... cứ thực hành như vậy, đến giây phút lâm chung, nghiệp thức cả đời bạn cũng tùy thuộc theo hơi thở niệm Phật cuối cùng đó mà vãng sinh Cực Lạc, được thấy Phật A Di Đà.

Đối với việc niệm Phật được vãng sinh của người xuất gia, tại gia, nam, nữ, người già, trẻ thơ, và những tướng lạ trang nghiêm xảy ra vào giờ phút lâm chung của những người niệm Phật đã có ghi chép trong truyện Vãng Sinh, nếu nói ra đây thì không sao kể hết.

Từ ngày tôi xuất gia đến nay, chính tôi đã chứng kiến người niệm Phật được vãng sinh hơn hai mươi lăm vị, trường hợp vãng sinh được nghe người khác kể thì rất nhiều. Nhân đây, tôi xin kể ba vị mà tôi đã tận mắt thấy họ vãng sinh, mong sao qua những câu chuyện đó, có thể giúp được phần nào làm cho tín tâm niệm Phật của các bạn càng thêm tăng trưởng.

Vị thứ nhất là một người xuất gia, pháp sư Tu Vô, quê ở Quản Vi. Ngài xuất thân trong một gia đình làm nghề gạch ngói. Vì gia cảnh gặp khó khăn, làm công rất gian lao vất vả, do đó mới cảm nhận cuộc đời khổ nhiều vui ít, mạng người trong hơi thở, tạm bợ như giọt sương đầu ngọn cỏ, như làn điện chớp trong không trung. Thế mà hằng ngày mọi người lại tranh đấu hơn thua, giành giựt lẫn nhau để rồi phải đau khổ. Ngài thường tư duy về pháp diệt khổ, nghe người ta bảo niệm Phật tốt, nên phát tâm niệm Phật. Sau đó xuất gia, chính thức được học Phật pháp, nhất là pháp môn Tịnh độ, sau khi được nghe lại càng khẩn thiết niệm Phật, ngài gặp người khác cũng khuyên niệm Phật.

Năm Dân Quốc thứ 50, tôi ở tại chùa Cực Lạc, Đông Bắc Cáp Nhĩ Tân, thỉnh lão Pháp sư Đế Nhàn truyền giới. Một ngày nọ, có một vị sư đến tìm tôi và nói cho biết rằng: "Có một vị sư là Tu Vô từ Quản Vi đến, trong kỳ giới này phát tâm hành khổ hạnh". Sau đó đưa vị sư vào gặp tôi, tôi mới hỏi sư có thể làm được gì? Sư đáp: "Tôi phát nguyện chăm sóc những người bệnh". Lúc đó, Pháp sư Định Tây trụ trì chùa Cực Lạc nhận sư vào chùa, cho sư ở một căn phòng ngoài viện. Chưa đầy mười ngày, sư lại đến tìm tôi nói cần phải đi. Lúc đó Pháp sư Định Tây đang ngồi với tôi hỏi sư rằng: "Thầy phát tâm trông coi những người bệnh, vì sao chưa đầy mười ngày lại đòi đi? Như vậy tâm thầy không kiên cố rồi!". Sư Tu Vô đáp: "Tôi không đi xứ nào cả mà tôi về Tây phương, kính thỉnh sư giám viện mở rộng lòng từ bi, chuẩn bị cho tôi mấy trăm cân củi, để thiêu sau khi tôi đi vậy". Pháp sư

Định Tây hỏi lại: "Vậy khi nào thầy đi?". Sư Tu Vô đáp: "Trong vòng mười ngày nữa". Trả lời xong, sư trở về thất. Ngày thứ hai, sư lại đến tìm tôi và Pháp sư Định Tây nói: "Kính thưa Pháp sư ngày mai tôi đi, thỉnh Pháp sư chuẩn bị cho tôi một căn phòng, và tìm cho tôi mấy người trợ niệm để đưa tiễn tôi đi". Sau đó Pháp sư Định Tây cho người quét dọn một căn phòng trong nội viện, tìm một số gỗ khô, chất thành một đống, lại tìm mấy thầy chuyên tu niệm Phật để chuẩn bị trợ niệm. Trước giờ phút vãng sinh, những người trợ niệm nói với sư rằng: "Sư Tu Vô trước lúc vãng sinh cũng nên làm mấy câu thơ, câu kệ, để lại cho chúng tôi làm kỷ niệm chứ!". Sư đáp lại rằng: "Tôi vốn xuất thân từ nơi khổ cực, sinh ra đã phải chịu sự ngu dốt, vì vậy thơ kệ đều không biết làm, thế nhưng tôi có một câu kinh nghiệm, xin đọc cho chư vị nghe, đó là: "Người nói được mà không hành được, không phải là người chân trí tuệ". Sau đó sư ngồi kiết già, mặt hướng về hướng Tây niệm Phật, chưa đầy mười lăm phút sau thì vãng sinh. Từ lúc sư vãng sinh cho đến chiều, không khí ngoài trời rất nóng, thế nhưng sắc diện của sư đầy vẻ thanh thoát lạ thường, thi thể tỏa ra một mùi thơm, cũng không có một con ruồi. Pháp sư Đế Nhàn cùng một nhóm Phật tử đến xem khen ngợi trường hợp thật hy hữu. Sau đó, đem thi thể sư hỏa thiêu hoàn toàn không có một mùi hôi nào. Về sau, cư sĩ Phan Đối Phù nghe được, lấy sự việc bình sinh niệm Phật của sư Tu Vô viết thành một tập sách để làm mô phạm cho người niệm Phật.

Vị thứ hai là cư sĩ Trịnh Tích Tân, người Sơn Đông, là một thương gia. Vì xem kinh Phật, biết được niệm Phật là tốt, từ đó phát tâm niệm Phật, bản thân không lấy vợ. Năm 1922, tại Thanh Đảo được nghe tôi giảng tam quy và những lợi ích của việc niệm Phật, sợ mình không chuyên tâm niệm Phật, nên cư sĩ đem mọi chuyện buôn bán trong gia đình giao cho em trai lo liệu. Từ đó chuyên tâm vào niệm Phật, về sau ông tập luyện và giảng Kinh Di Đà. Mỗi năm có kỳ hội giảng kinh tại Thanh Đảo, đều có ông chủ trì giảng một hai ngày, rồi sau đó ông lại đến huyện Bình Độ giảng cho bạn bè. Năm 1924, cư sĩ có mời tôi đến Bình Độ giảng một lần. Mùa Xuân năm 1928, cư sĩ lại đến Bình Độ và Thanh Đảo giảng kinh. Thấm thoát thời gian trôi qua, một hôm có người từ Bình Độ đến nói với tôi: "Lão Pháp sư ông có biết không! Cư sĩ Trịnh Tích Tân đã quy Tây rồi", (theo tập tục Giao Đông người ta gọi người chết là nhật quy). Nghe người đó nói xong tôi rất ngạc nhiên, mới hỏi: "Trước đây mười ngày tôi còn gặp ông ta, thấy còn rất mạnh khỏe, vì lý do gì mà ông ta đi nhanh như vậy? Ông ta có bệnh hoạn gì không? Hay có gặp tai nạn gì?". Người ấy lại đáp: "Sau khi ông giảng bộ Kinh Di Đà xong, mọi người đều ra về, chỉ còn khoảng năm sáu vị cùng ngồi lại nói chuyện và dùng cơm trưa, phần lớn những người này là bạn bè thân thiết của ông. Sau buổi cơm trưa, ông mời tất cả những người bạn vào một căn phòng, rồi nói ông phải đi. Mấy người bạn mới hỏi: "Ông đi đâu sao lại mời chúng tôi vào phòng thế?". Cư sĩ đáp: "Tôi vãng sinh, vì e ngại ra đi tại nhà người khác sẽ phiền phức, nên mới mời chư vị vào đây vậy". Các bạn ông lại nói: "Chúng ta là bạn tri giao đã nhiều năm, chẳng những bạn vãng sinh, mà ngay cả khi bạn bệnh hoạn mất tại nhà chúng tôi cũng không sao, cần gì phải tìm một gian phòng khác. Hiện tại, nơi đây có rất nhiều người tin Phật, niệm Phật. Nếu bạn

chắc chắn vãng sinh, cũng nên để chúng tôi mời tất cả những khác đến xem, để lấy đó làm tấm gương noi theo vậy". Nói xong, những người bạn ông vội quét dọn hai căn phòng rồi chọn lấy một. Cư sĩ Trịnh nói đôi lời tạ từ cùng các bạn, sau đó ngồi xếp bằng, mặt xoay về hướng Tây nói với những người bạn ông ta: "Xin cáo từ chư vị, tôi vãng sinh đây! Chúng ta là những người tin Phật niệm Phật, kính thỉnh chư vị hãy niệm Phật để tiễn tôi một phen". Những người bạn lại nói: "Nay bạn vãng sinh sao không để lại vài câu kệ cho chúng tôi làm kỷ niệm?". Cư sĩ lại đáp: "Không nên để kệ lại, nếu mọi người đến đây xem thì đó là một bằng chứng rồi, cũng là một kỷ niệm đẹp rồi!". Nói xong, mọi người đồng niệm để trợ tiễn ông ta, chưa đầy mười lăm phút sau ông ta mỉm cười rồi vãng sinh. Do đó mà cả huyện Bình Độ ai ai cũng tin niệm Phật là tốt, đồng thời có nhiều người tin Phật hơn.

Em trai của cư sĩ Trịnh, ban đầu thấy anh xả bỏ sản nghiệp chuyên tâm niệm Phật thì chưa tin niệm Phật mấy, nghe anh khuyên niệm Phật cũng miễn cưỡng niệm, nhưng tâm chưa khẩn thiết cho lắm. Thế mà sau khi chứng kiến cảnh anh trai mình niệm Phật được vãng sinh, biết trước ngày giờ và ra đi trong thanh thản, từ đó về nhà cũng tin sâu, nguyện thiết niệm Phật. Ba năm sau, cũng vãng sinh biết trước ngày giờ, chỉ khác anh trai là lúc lâm chung có ít bệnh.

Vị thứ ba là nữ cư sĩ họ Trương, sinh được một trai một gái, gia cảnh rất khó khăn, chồng làm nghề kéo xe ở một bến cảng, còn cô Trương buôn bán trong chợ Thanh Đảo. Nhà ở cạnh tịnh xá Trạm Sơn, trong tịnh xá có thành lập hội Phật học. Mỗi ngày cô đều đến tịnh xá lễ Phật và nghe kinh, do nhân duyên đó mà quy y Tam Bảo, được nghe Phật pháp, một lòng tin Phật. Bình thường ở nhà niệm Phật, hằng ngày đều dẫn hai con đến tịnh xá lễ lạy và nghe kinh. Nghe xong, lại quay về nhà chăm lo gia đình, một bề niệm Phật.

Cuối năm 1926, một sáng nọ, cô Trương gọi chồng đến nói: "Anh ở lại chăm sóc các con, ngàynay tôi phải vãng sinh Cực Lạc". Anh chồng nghevợ nói như vậy, vì cuộc sống khó khăn, lại là người ít học tập Phật pháp nên gắt gỏng bảo với vợ rằng:"Đi đi! Tôi bần cùng chắc không đủ khả năng nuôi bà,bà muốn đi thì cứ đi!". Sau khi nói xong không hỏi lại vợ một câu, rồi đi làm việc. Cô Trương gọi haicon đến gần căn dặn: "Các con ở lại phải nghe lời chadạy bảo, không được ngỗ nghịch, nay mẹ phải vãngsinh về thế giới Cực Lạc". Lúc đó hai đứa con củacô ta còn nhỏ, đứa lớn chưa đầy mười tuổi, đứa békhoảng năm hoặc sáu tuổi gì đó. Nghe mẹ chúngnói những lời như vậy, cũng không hiểu ý mẹ muốn nói gì, vì vậy rồi cũng chạy đi chơi. Sau khi chồng và con đều đi cả, cô Trương vội thu xếp việc nhà gọngàng, tắm rửa sạch sẽ, vì nhà nghèo không có áoquần mới để thay nên cô đành phải mặc lại áo quầncũ, lên giường ngồi xếp bằng, chắp tay niệm Phậtvãng sinh.

Nói đến hai đứa con của cô ta, sau một hồi đi chơi trong lòng cảm thấy đói nên quay về nhà ăn cơm. Thấy mẹ đang ngồi trên giường lại chưa nấu cơm, ban đầu chúng cất tiếng gọi nhưng không thấy mẹ trả lời, sau đó chúng đến gần lay mạnh vẫn thấy mẹ ngồi yên, hai đứa bé mới biết mẹ chúng đã chết. Chúng vội khóc than gọi hàng xóm đến, mọi người hay tin đến xem, thấy cô Trương tuy đã chết từ lâu, thế nhưng sắc diện giống như

người còn sống, họ rất ca ngợi công phu niệm Phật của cô Trương. Sau đó người chồng đi làm về khóc lóc thảm thương. Vì gia cảnh nghèo khó, không có tiền để liệm, nên các vị có tấm lòng tốt trong hội Phật học đứng ra chi phí toàn bộ lễ tang.

Việc quan trọng của đời người là niệm Phật để liễu sinh thoát tử. Không luận là như thế nào, mọi người hãy tự xét hoàn cảnh của chính mình, dù trong bận rộn hay nhàn nhã, hãy sắp xếp cho mình một thời khóa công phu niệm Phật nhất định. Chẳng những vậy, ngay cả lúc làm việc có thể trụ tâm mặc niệm. Bằng ngược lại suốt ngày làm các điều sát sinh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, tạo nhiều nghiệp ác khác thì khó mà tránh đọa lạc tam đồ, luân hồi trong lục đạo, thọ nhận khổ não vô tận. Trong Kinh Lăng Nghiêm Phật có nói: "Loài nào cũng thương yêu thân mạng, muốn cho mình được sống, nên tham ăn những vật bổ dưỡng. Vì thế trong thế gian này, loài mạnh ăn thịt loài yếu, loài khôn giết hại loài dại. Bốn loài (thai sinh, noãn sinh, thấp sinh, hóa sinh) ăn nuốt lẫn nhau, gốc tại lòng tham sát". Chúng sinh vì tình ái kết chặt, thương tưởng quyến luyến nhau không rời, cho nên thế gian này, cha mẹ, con cháu tiếp tục sinh ra không cùng tột, gốc chỉ tại lòng tham dục. Tóm lại, vì ba nghiệp sát, đạo, dâm làm gốc, nên nghiệp và quả nối nhau không bao giờ cùng tận. Mọi người hãy nghĩ coi tạo nghiệp sát, đạo, dâm, chịu khổ biết dường nào. Vì thế kính khuyên mọi người niệm Phật, nên niệm càng nhiều càng tốt. Cổ đức có nói: "Niệm Phật một câu phước tăng vô lượng, lễ Phật một lễ tội diệt hà sa". Trên đây, đem những lợi ích của việc niệm Phật nói sơ lược qua, nếu mọi người muốn rõ hơn hãy tham khảo các tập sách "Tịnh Độ Ngũ Kinh" hoặc "Tịnh Độ Thập Yếu" v.v... Nay nói sơ lược đôi điều như vậy cho người sơ cơ có tín tâm niệm Phật. Hy vọng rằng quý vị biết được niệm Phật là tốt rồi, hãy nên phát tâm kiên cố niệm Phật, niệm hết sức thành khẩn, lão thật niệm Phật. Trong tương lai, chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhau trong hội chúng ở Tây phương vậy.

Nam mô A Di Đà Phật

(Ngày 1/1/ 1950, năm Canh Dần, tại Học Viện Nam Học, Hương Cảng)

Cỏ dại ven bờ

Không vì đời quẫn bức
Nhưng vì yêu rừng sâu
Bước đường vần tủi nhục
Biết mình đi về đâu

Ta muốn đi làm thuê
Đời không thuê sức yếu
Ta mộng phương trời xa
Trời buồn mây nặng trĩu

Ven bờ thân cỏ dại
Sức sống thẹn vai gầy
Tóc trắng mờ biên ải
Nỗi hờn mây không bay

Mây không trôi về bắc
Người mơ về Trường sơn
Nắng chiều rưng tủi nhục
Người trông trời viễn phương

Rừng Vạn Già 76
Nguồn: Tuệ Sỹ, Giấc mơ Trường Sơn, An Tiêm California, 2002

Tư tưởng Tịnh Độ Tông

HT. Thích Như Điển

(Khởi đăng từ PHẬT HỌC số 292)

III. TỊNH ĐỘ TÔNG CỦA TRUNG HOA

Nếu hỏi rằng: Trên thế giới nầy nước nào có lịch sử lâu đời nhất, thì ắt hẳn người ta sẽ nói: Ấn Độ và Trung Hoa và nếu hỏi tiếp rằng: Đạo nào có mặt lâu đời nhất trên hành tinh nầy, thì cũng sẽ được trả lời là: Ấn Độ giáo của Ấn Độ và Khổng giáo, Lão giáo của Trung Hoa. Nhưng khi được hỏi rằng: Đạo nào có đông số tín đồ nhất, thì không phải là những đạo vừa nêu trên, mà là Thiên Chúa giáo; một Tôn giáo xuất hiện sau Phật giáo cả hơn 6 thế kỷ, mà ngày nay số lượng tín đồ của Tôn giáo nầy là một tỷ rưỡi người theo đạo trong số 7 tỷ người hiện có mặt trên quả địa cầu nầy.

Nếu hỏi rằng: Tôn giáo nào xuất hiện lâu đời và theo thứ tự thời gian ở trên quả đất nầy thì xin trả lời rằng: Ấn Độ giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo (gồm có cả Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Chính Thống giáo, Tin Lành giáo) và Hồi giáo. Có những Tôn giáo xuất hiện đã 5.000 năm trên quả địa cầu nầy như Ấn Độ giáo; nhưng cũng có Tôn giáo chỉ mới xuất hiện hơn 1.500 năm nay, như Hồi giáo. Nhưng nếu sắp theo thứ tự người theo thì phải kể rằng: Thiên Chúa giáo, Ấn Độ giáo, Hồi giáo, Phật giáo, Khổng giáo và Lão giáo.

Trong những Tôn giáo nầy có nhiều Tôn giáo đã vượt ra khỏi ranh giới của quốc gia mà vị Giáo chủ ấy được sinh ra để mang lời dạy ra truyền bá ở nước ngoài như: Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. Trong khi đó cũng có những Tôn giáo không thể vượt khỏi biên giới quê hương của mình để đi sâu vào sinh hoạt của các nước Âu Mỹ như: Ấn Độ giáo, Khổng giáo và Lão giáo.

Câu hỏi được đặt ra tại sao thì có nhiều cách trả lời khác nhau; nhưng vấn đề quan trọng ở đây là lời dạy của các vị giáo chủ ấy có còn có giá trị qua thời gian và không gian hay không? Nếu có, thì Đạo ấy sẽ phát triển vững mạnh, không luận thời gian, năm tháng hay biên ải quốc gia. Một Tôn giáo phải hội đủ 3 điều kiện. Đó là: Giáo chủ, giáo lý và giáo hội. Giáo chủ và giáo lý chúng ta đã rõ; nhưng giáo hội gồm Tăng Ni, Tín Đồ đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong vấn đề giữ gìn và phát triển mạng mạch của Tôn giáo đó. Nếu không có những người nầy, quả thật Tôn giáo đó sẽ hiu quạnh, không như thời điểm vàng son, lúc còn vị giáo chủ nữa.

Ngày xưa vấn đề giao thông không tiện lợi như ngày nay; nên một văn thư, một tin tức đánh đi từ một nơi, đến một nơi khác nhận được, đôi khi phải trải qua hằng tháng, hằng năm; chứ không phải từng phút, giây như giai đoạn trong hiện tại (năm 2011) mà chúng ta đang có được. Bởi vậy những gì mà người xưa làm được, quả là đáng quý biết dường bao!

Khi Thái Tử Tất Đạt Đa sinh ra tại Ấn Độ, Khổng Tử ở Trung Hoa, ông ta đã nói với

học trò của mình rằng: "Ông cảm như quả đất đang chuyển động", mà thật thế! một vĩ nhân, một bậc giác ngộ ra đời thì có không biết bao nhiêu là điềm lạ xuất hiện trong thế gian nầy. Vì các Ngài không phải là những người thường.

Thế mà đã hơn 600 năm trôi qua, đến năm Hán Minh Đế (58-75) vào thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch; người mới nằm mộng thấy Phật vàng và từ đó mới cho người qua Ấn Độ để thỉnh kinh. Đây là thời kỳ đầu của Phật Giáo mới hình thành và đã nhập vào Trung Quốc.

"Theo sách Hán Pháp" bản nội truyện là một tác phẩm gồm 5 quyển, được soạn vào thời nào và tên soạn giả là ai đều không rõ; nhưng sách nầy nói về việc Phật Giáo lúc mới du nhập Trung Quốc khoảng năm Vĩnh Bình (58-75) đời Minh Đế nhà Hậu Hán và về tình hình Phật Giáo chống đỡ sự phê phán của Đạo Giáo. Nội dung sách ấy gồm 5 phẩm như sau:

- Minh Đế đắc mộng cầu pháp

- Thỉnh Pháp Sư lập tự công đức

- Dữ Chư đạo sĩ tỉ giảo độ thoát

- Minh Đế Đại Thần đẳng xưng dương

- Quảng thông lưu bố.

Đến nay bản hoàn chỉnh của sách nầy vẫn không thấy lưu truyền, chỉ thấy rải rác trong Quảng Hoàng Minh tập quyển 1, tập cổ kim Phật Đạo luận hành quyển 1, Pháp Uyển Châu Lâm quyển 18, Tục tập cổ kim Phật Đạo luận hành v.v…

Các Ngài Đạo Tuyên và Trí Thăng cho rằng sách nầy là tác phẩm đời Hán Ngụy; nhưng trong các văn hiến từ đời Tùy trở về trước không thấy được đề cập tới. Nếu căn cứ vào nội dung mà phán đoán thì có thể sách nầy là tác phẩm từ khoảng năm Thiên Giám (502 -519) đời nhà Lương thuộc Nam Triều trở về sau. (Trích Phật Quang Đại Từ Điển trang 2054). (Xem Luận Phá Tà quyển thượng; truyện Đàn Vô Tối trong Tục Cao Tăng truyện quyển 23; Thiền Tông phiên dịch chủ trong Phiên dịch danh nghĩa tập quyển 1).

Vào đầu thế kỷ thứ nhất sau Tây lịch Hán Minh Đế thuộc nhà Hậu Hán là người đầu tiên thấy được điềm lành; cho nên mới cho người sang Thiên Trúc để thỉnh kinh. Thuở ấy từ Kinh đô Lạc Dương đi qua Ấn Độ chỉ có con đường biển là bình an hơn; nhưng ít nhất cũng 3 tháng đến 1 năm mới tới nơi; nhưng đến rồi; nào ngôn ngữ, phong tục, ăn uống ở tại xứ Ấn Độ thuở bấy giờ chẳng phải là việc đơn thuần. Thế nhưng các nhà ngoại giao thuở ấy cũng đã mang về cho Triều đình nhà Hậu Hán hai vị Đại Pháp Sư và Đại dịch giả về sau nầy. Đó là hai Ngài Ma Đằng Ca Diếp và Ngài Trúc Pháp Lan. Bản kinh đầu tiên được truyền vào đất Trung Quốc năm 68 sau Tây lịch là kinh Tứ Thập Nhị chương đã được hai vị nầy dịch ra chữ Hán. Ngày nay nếu có ai đó đi sang Trung Quốc, đến Kinh đô Lạc Dương, ghé thăm chùa Bạch Mã sẽ gặp được mộ tháp của hai Ngài vẫn còn chôn cất tại nơi đây và bản kinh nầy vẫn được Phật Giáo Trung Quốc cho khắc vào đá hoa cương cho công chúng chiêm ngưỡng và đảnh lễ.

Trong sách trên có nói về việc thứ hai là nhà Vua và Triều đình đã thỉnh Pháp Sư lập tự công đức. Nghĩa là nhà vua muốn xây chùa để thờ Phật. Có lẽ hai vị Pháp Sư nầy đã chỉ

cho nhà vua làm chùa như thế nào cũng như đặt hiệu chùa ra sao. Nên Bạch Mã là tên chùa đã được chọn. Vì đi thỉnh kinh cũng như đón rước kinh đến Kinh đô Lạc Dương đều do những con ngựa trắng quý hiếm đến đón về; nên lấy tên là Bạch Mã. Chùa ngày xưa có lối kiến trúc theo Ấn Độ; nghĩa là bên trên nóc là vòm, trông như những ngôi tháp tại Ấn Độ; chứ không lợp mái như kiểu của Trung Hoa. Vào cuối năm 2000 vừa qua giữa chính quyền Trung Hoa và Ấn Độ đã ký một văn bản quan trọng, nhằm tài trợ để xây một ngôi chùa to lớn tại đây theo kiểu cách của Ấn Độ để nhớ về cội nguồn cũng như lịch sử khởi nguyên Phật Giáo tại xứ nầy.

Điểm thứ ba là nhà Vua thích các vị Pháp Sư cùng với các vị Đạo Sĩ giảng thuyết để so sánh. Thuở ấy Nho gia tại Trung Quốc không thích Phật Giáo. Lão Giáo tuy chấp nhận Phật Giáo; nhưng muốn biết cao thấp, nên nhà Vua đã cho quý Sư và Đạo Sĩ luận bàn với nhau. Nếu thuở ấy các vị Pháp Sư không thắng thì có lẽ Phật Giáo không được lưu hành và phát triển tại Trung Quốc suốt 2.000 năm qua.

Điểm thứ tư là Vua Hán Minh Đế cùng với các Đại Thần xưng dương, tán thán. Điều ấy có nghĩa là nhà Vua đã hài lòng và việc nằm mộng thấy Phật vàng, việc cho người đi Ấn Độ thỉnh kinh và rước Pháp Sư về là việc tốt cho quê hương đất nước Trung Quốc; nên nhà Vua và triều thần mới chấp nhận Phật Giáo một cách công khai như thế; trong khi tại Trung Hoa trước đó đã có Đạo Khổng và Đạo Lão rồi.

Việc cuối cùng là cho giáo lý từ bi, trí tuệ ấy tiếp tục truyền bá khắp nhân gian. Vì lẽ chính nhà Vua và các vị Đại Thần tai mình đã nghe, mắt mình đã thấy sự luận nghị và tư cách giữa các vị Pháp Sư Phật Giáo và các vị Đạo Sĩ của Lão Giáo. Kể từ đó trở đi Phật Giáo tại Trung Quốc đã trải qua bao đời với những phế hưng của lịch sử. Ví dụ như các vị Vua và Hoàng Hậu nào thích giáo lý của Đạo Phật thì ủng hộ hết mình; nên những chùa viện và chư Tăng đều có mặt khắp nơi tại quê hương rộng lớn nầy. Ví dụ như Triều Đường chẳng hạn. Nhưng cũng có nhiều lúc các vị quân vương nghe lời xiểm nịnh của triều Thần; hoặc giả chư Tăng Ni của Phật Giáo không còn gìn giữ được những phẩm hạnh thanh cao như lúc xa xưa nữa, thì lúc ấy các vua chúa sẽ phế Phật và chọn những Đạo khác, ví dụ như "Tam Vũ nhất Tông pháp nạn"; nghĩa là pháp nạn nầy do 3 ông vua họ tên Vũ và một ông tên Tông gây ra (tức là Thái Vũ đế nhà Bắc Ngụy, Vũ Đế nhà Bắc Chu; Vũ Tông nhà Đường và Thế Tông nhà Hậu Chu).

(Còn tiếp)

Dư hương

Phổ Đồng

Hôm qua mơ thấy Phật
Tay cầm hoa mỉm cười
Tỉnh ra Phật đi khỏi
Dư hương thoảng đầy phòng

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học

HỘ PHÁP

Quí vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368